

**DDCI KON TUM
2022**



BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH KONTUM NĂM 2022**

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH KONTUM NĂM 2022**

DDCI KON TUM

2022

LỜI NÓI ĐẦU

Thời gian qua, công tác cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Kon Tum được các đơn vị tại tỉnh quan tâm triển khai. Mặc dù đã có nhiều kết quả bước đầu nhưng công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư còn nhiều dư địa để cải thiện. Các chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và hành chính công, cải cách hành chính của tỉnh chưa có được sự cải thiện đáng kể. Năm 2021, chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Kon Tum xếp thứ 61/63 tỉnh, thành phố, giảm 5 bậc so với năm 2021. Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) của Kon Tum đạt 82,45 điểm, xếp vị thứ 59/63 tỉnh, mặc dù tăng 0,11 điểm tuy nhiên giảm 10 bậc so với năm trước.

Tiếp tục những nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, năm 2022 UBND tỉnh Kon Tum ban hành kế hoạch số 1906/KH-UBND nhằm triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh các Sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Kon Tum (DDCI) năm 2022 với sự tư vấn của Chi nhánh Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Đà Nẵng (VCCI Đà Nẵng). Báo cáo DDCI Kon Tum 2022 xây dựng từ các cảm nhận, đánh giá của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hợp tác xã về thực tiễn chất lượng điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và cấp huyện và hoàn toàn độc lập với Chỉ số PCI. Báo cáo DDCI Kon Tum là một trong các nguồn tham khảo hữu ích cho các đơn vị trong công tác cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp hướng tới sự thịnh vượng cho người dân, doanh nghiệp tại tỉnh.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo, góp ý và sự ủng hộ từ lãnh đạo tỉnh, các sở, ban, ngành và các địa phương thuộc tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện DDCI Kon Tum 2022. Đặc biệt chân thành cảm ơn các ý kiến, góp ý quý báu của các chuyên gia trong quá trình xây dựng báo cáo. Cuối cùng, báo cáo này sẽ không thể hoàn thành nếu thiếu đi sự đồng hành của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã dành thời gian quý báu tham gia khảo sát DDCI Kon Tum 2022.

Dù nhóm nghiên cứu đã có nhiều nỗ lực trong xây dựng báo cáo với cách làm khoa học, độc lập, khách quan nhưng do thời gian, nguồn lực có hạn, báo cáo không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được sự chia sẻ, phản hồi tích cực của tất cả các đơn vị.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
CPKCT	Chi phí không chính thức
CSTP	Chỉ số thành phần
DDCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và địa phương
DN	Doanh nghiệp
DVHCC	Dịch vụ hành chính công
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KCN	Khu công nghiệp
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
KKT	Khu kinh tế
LD, TB&XH	Lao động, Thương bình và Xã hội
MTKD	Môi trường kinh doanh
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
TP	Thành phố
TT&TT	Thông tin và truyền thông
TTHC	Thủ tục hành chính
TX	Thị xã
UBND	Ủy ban nhân dân
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam
VBPL	Văn bản pháp luật

MỤC LỤC

TÓM TẮT	6
CHƯƠNG I – TỔNG QUAN DDCI KON TUM 2022	10
I. Mở đầu	10
II. Mục tiêu	10
III. Phương pháp xây dựng báo cáo	11
IV. Bộ chỉ số DDCI Kon Tum	12
1. <i>Đối tượng được đánh giá</i>	12
2. <i>Các CSTP và tiêu chí đánh giá</i>	13
3. <i>Phương pháp tính điểm</i>	13
V. Cách thức triển khai khảo sát	14
1. <i>Mẫu khảo sát</i>	14
2. <i>Cách thức khảo sát DDCI Kon Tum 2022</i>	15
3. <i>Đặc điểm đối tượng tham gia khảo sát</i>	17
CHƯƠNG II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT	20
I. Tình hình sản xuất kinh doanh của DN	20
II. Kết quả khảo sát DDCI Kon Tum 2022	21
1. <i>Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành</i>	21
1.1. <i>Kết quả DDCI cấp sở, ban, ngành Kon Tum theo các CSTP</i>	21
1.2. <i>Kết quả tổng hợp DDCI cấp sở, ban, ngành Kon Tum theo các đơn vị</i>	30
2. <i>Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện</i>	32
2.1. <i>Kết quả DDCI cấp huyện theo các CSTP</i>	32
2.2. <i>Kết quả tổng hợp DDCI cấp huyện theo các đơn vị</i>	40
CHƯƠNG III –KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ	44
I. Kết luận	44
II. Các giải pháp, kiến nghị nhằm cải thiện MTKD tại tỉnh	45
1. <i>Nâng cao tính năng động, dám nghĩ, dám làm trong đánh giá cán bộ</i>	45
2. <i>Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của DN.</i>	46
3. <i>Tiếp tục thực hiện các nỗ lực cắt giảm CPKCT</i>	47
4. <i>Thực hiện tốt các nghị quyết và chính sách về cải cách TTHC và cải thiện MTKD.</i>	47

<i>5. Chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại tỉnh.</i>	<i>48</i>
<i>6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ xúc tiến đầu tư</i>	<i>49</i>

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Phân loại đối tượng khảo sát.....	17
Hình 2. Chức vụ người trả lời khảo sát.....	17
Hình 3. Lĩnh vực kinh doanh	18
Hình 4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.....	20
Hình 5. Kế hoạch kinh doanh trong hai năm tiếp theo	21
Hình 6. Trung vị của các CSTP nhóm sở, ban, ngành.....	21
Hình 7. CSTP Tính minh bạch nhóm sở, ban, ngành	22
Hình 8. CSTP Tính năng động nhóm sở, ban, ngành	23
Hình 9. CSTP Chi phí thời gian nhóm sở, ban, ngành.....	24
Hình 10. CSTP CPKCT nhóm sở, ban, ngành.....	25
Hình 11. CSTP Cạnh tranh bình đẳng nhóm sở, ban, ngành	26
Hình 12. CSTP Hỗ trợ DN nhóm sở, ban, ngành	27
Hình 13. CSTP Thiết chế pháp lý nhóm sở, ban, ngành.....	28
Hình 14. CSTP Vai trò người đứng đầu nhóm sở, ban, ngành	29
Hình 15. Điểm tổng hợp DDCI nhóm sở, ban, ngành	30
Hình 16. Trung vị của các CSTP cấp huyện.....	32
Hình 17. CSTP Tính minh bạch của cấp huyện.....	33
Hình 18. CSTP Tính năng động của cấp huyện.....	34
Hình 19. CSTP Chi phí thời gian của cấp huyện	35
Hình 20. CSTP CPKCT của cấp huyện	36
Hình 21. CSTP Cạnh tranh bình đẳng của cấp huyện.....	37
Hình 22. CSTP Hỗ trợ DN của cấp huyện.....	38
Hình 23. CSTP Thiết chế pháp lý của cấp huyện	39
Hình 24. CSTP Vai trò người đứng đầu của cấp huyện.....	40
Hình 26. Điểm tổng hợp DDCI cấp huyện	41

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Đối tượng được đánh giá.....	13
Bảng 2. Trọng số đánh giá	14
Bảng 3. Mẫu khảo sát DN.....	15
Bảng 4. Mẫu khảo sát HTX, HKD.....	16
Bảng 5. Tỷ lệ hồi đáp.....	16
Bảng 6. Số lao động đăng ký	18
Bảng 7. Số vốn đăng ký	18

TÓM TẮT

1. Tổng quan DDCI Kon Tum

- Tổng số lượng đơn vị được đánh giá trong DDCI 2022 là 22 đơn vị trong đó có 12 đơn vị nhóm sở, ban, ngành và 10 đơn vị thuộc nhóm cấp huyện. Tổng số DN, HTX, HKD tiếp cận là 1.642 đơn vị, số lượng đơn vị tham gia trả lời khảo sát là 614 đơn vị.

- Chỉ số DDCI Kon Tum 2022 bao gồm 8 CSTP là: (1) Tính minh bạch, (2) Tính năng động, (3) Chi phí thời gian, (4) CPKCT, (5) Cạnh tranh bình đẳng, (6) Hỗ trợ DN, (7) Thiết chế pháp lý và (8) Vai trò người đứng đầu.

- DDCI Kon Tum được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm: (i) Thu thập thông tin thông qua khảo sát các DN, HTX, HKD trên địa bàn; (ii) Tính toán các CSTP và chuẩn hóa trên thang điểm 10 và (iii) Gán trọng số và tính điểm số DDCI tổng hợp gồm điểm của các CSTP trên thang điểm tối đa 100.

- Danh sách khảo sát DN, HTX, HKD được chọn mẫu ngẫu nhiên đảm bảo tính khách quan từ danh sách DN, HKD, HTX đang hoạt động trong năm 2022 do Cục Thuế tỉnh cung cấp và danh sách DN, HKD, HTX từng thực hiện TTHC hoặc tương tác với các đơn vị trong năm.

2. Kết quả khảo sát

Tình hình hoạt động của DN, HKD, HTX.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của DN có tiến triển khả quan, tỷ lệ DN cho biết kinh doanh có lãi tăng 20% lên 75% trong năm 2022, song song với đó tỷ lệ DN cho biết kinh doanh thua lỗ đã giảm chỉ còn 9% DN..

- 40% DN được khảo sát cho biết sẽ tăng quy mô kinh doanh trong vòng hai năm tiếp theo, tăng 11% so với năm trước. 57% DN được khảo sát cho biết sẽ tiếp tục kinh doanh với quy mô hiện tại.

Kết quả khảo sát DDCI nhóm sở, ban, ngành

- Điểm số trung vị nhóm sở, ban, ngành trong năm 2022 là 64,76 điểm, giảm 0,41 điểm so với năm trước. Trong 8 CSTP, chỉ số Tính minh bạch có điểm trung vị¹ cao nhất 6,91 điểm, các CSTP có điểm trung vị cao tiếp theo trong nhóm là Hỗ trợ DN với 6,62 điểm và Cạnh tranh bình đẳng với 6,59 điểm. Các CSTP có điểm trung vị thấp nhất trong nhóm sở, ban, ngành là Tính Năng động với 6,28 điểm, Chi phí thời gian với 6,15 điểm và CPKCT là chỉ số có điểm trung vị thấp nhất với 5,91 điểm.

- BHXH tỉnh là đơn vị có điểm số cao nhất trong cấp sở, ban, ngành với 68,57 điểm. Xếp sau BHXH tỉnh lần lượt là Sở KH&ĐT (68,27 điểm) và Sở Công thương (67,49 điểm).

Kết quả khảo sát DDCI nhóm cấp huyện

- Trung vị điểm số tổng hợp DDCI nhóm cấp huyện là 60,46 điểm tăng 0,46 điểm so với năm trước. Trong 8 CSTP, chỉ số có trung vị cao nhất là Chi phí thời gian với 6,33 điểm, các CSTP có điểm trung vị cao tiếp theo trong nhóm là Cạnh tranh bình đẳng với 6,33 điểm và CPKCT với 6,16 điểm. Các CSTP có điểm trung vị thấp nhất trong nhóm là Tính minh bạch với 5,97 điểm và Tính Năng động với 5,93 điểm và CSTP Vai trò người đứng đầu là chỉ số có điểm trung vị thấp nhất trong 8 CSTP với 5,63 điểm.

- Huyện Ngọc Hồi là đơn vị điểm số DDCI tổng hợp cao nhất ở nhóm cấp huyện với 67,24 điểm. Các địa phương có vị thứ xếp hạng cao tiếp theo lần lượt là huyện Sa Thầy với điểm số DDCI tổng hợp là 67,12 điểm và huyện Đăk Tô với điểm số DDCI tổng hợp là 63,58 điểm.

3. Giải pháp, khuyến nghị

Một số điểm đáng chú ý từ kết quả khảo sát DDCI năm 2022

- CSTP Tính minh bạch, Hỗ trợ DN và Cạnh tranh bình đẳng là các CSTP có điểm trung vị cao ở nhóm sở, ban, ngành. Các CSTP Chi phí thời gian, Cạnh tranh bình đẳng và CPKCT là các CSTP có điểm trung vị cao ở cấp huyện.

- Chất lượng các chương trình hỗ trợ DN do các đơn vị tại tỉnh tổ chức đã có sự cải thiện trong năm qua.

¹ Trung vị là số nằm ở giữa trong một danh sách các số được sắp xếp tăng dần hoặc giảm dần và có thể mô tả nhiều hơn về tập dữ liệu so với giá trị trung bình.

- Công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại đã có sự cải thiện tích cực.
- Tỷ lệ DN có trả CPKCT đều có xu hướng giảm ở hai nhóm, trong đó cấp huyện có mức giảm cao hơn.
- Sự ưu ái dành cho các DN sản xuất, DN thân hữu, DN lớn có xu hướng giảm tuy nhiên tỷ lệ DN cho biết sự ưu ái gây khó khăn cho các DN khác vẫn ở mức khá cao.
- Tỷ lệ DN truy cập website của sở, ban, ngành và cấp huyện đang xu hướng gia tăng. Tuy nhiên tỷ lệ DN cho biết “*thông tin trên website là hữu ích*” chưa có sự cải thiện ở cả hai nhóm.
- Chưa có nhiều sự đánh giá tích cực về sự phản ứng chủ động trong giải quyết những vấn đề mới phát sinh hay những vướng mắc ngoài quyền hạn của các đơn vị.
- Tại CSTP Chi phí thời gian, tỷ lệ DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên tăng so với năm trước.

Các giải pháp, kiến nghị nhằm cải thiện MTKD

- Chú trọng tính năng động, dám nghĩ, dám làm trong công tác đánh giá cán bộ và lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ.
- Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của DN: Nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của các đơn vị trong công tác cung cấp thông tin của DN. Các đơn vị cần đảm bảo mọi DN có thể dễ dàng, thuận lợi nhất trong việc tiếp cận thông tin thông qua việc tóm tắt, tóm lược các nội dung quan trọng. Nghiên cứu chu trình hóa, sơ đồ hóa các bước để DN có thể hiểu và dễ thực thi.
- Tiếp tục thực hiện các nỗ lực cắt giảm CPKCT trên 3 tiêu chí (1) đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT để giám sát việc thực hiện TTHC, (2) thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên, (3) gắn chặt trách nhiệm kiểm soát tham nhũng với công tác đánh giá cán bộ.
- Thực hiện tốt các nghị quyết và chính sách về cải cách TTHC và cải thiện MTKD nhằm mục tiêu tiếp tục cắt giảm thời gian thực hiện các TTHC.
- Chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ DN tại tỉnh.
- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thành lập tổ công tác hỗ trợ dự án đầu tư.

Chương



TỔNG QUAN DDCI KON TUM 2022

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN DDCI KON TUM 2022

I. Mở đầu

Trong các nỗ lực cải thiện MTKD trong năm 2022, tỉnh Kon Tum tiếp tục triển khai bộ chỉ số DDCI với sự tư vấn của VCCI Đà Nẵng, đây là năm thứ ba tỉnh triển khai khảo sát DDCI. Kết quả khảo sát DDCI là tập hợp tiếng nói của cộng đồng DN và các nhà đầu tư hoạt động trên địa bàn tỉnh đánh giá chất lượng công tác điều hành kinh tế của 10 TP, huyện thị và 12 sở, ban, ngành của tỉnh. Báo cáo DDCI Kon Tum 2022 có bố cục gồm 3 phần chính:

- Chương I giới thiệu thông tin chung về bộ chỉ số, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, đặc điểm DN, HTX, HKD tham gia khảo sát.

- Chương II là kết quả khảo sát bao gồm các thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của DN trong năm 2022 và kết quả khảo sát DDCI theo nhóm sở, ban, ngành và nhóm cấp huyện.

- Chương III liệt kê các điểm cần lưu ý từ kết quả khảo sát DDCI của tỉnh qua đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm cải thiện MTKD, hỗ trợ DN.

Kết quả thu được từ khảo sát DDCI sẽ là nguồn thông tin quan trọng làm cơ sở cho các cải cách một cách quyết liệt từ các sở, ban, ngành và địa phương nhằm thúc đẩy việc cải thiện MTKD trên toàn tỉnh.

II. Mục tiêu

Mục tiêu chính của đánh giá DDCI Kon Tum là thúc đẩy cải thiện MTKD, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Căn cứ trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh Kon Tum, tham vấn ý kiến các cơ quan, tổ chức của tỉnh và các chuyên gia, các mục tiêu cụ thể của DDCI Kon Tum 2022 như sau:

- Nâng cao hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh đến cấp sở, ban, ngành và cấp huyện; rút ngắn khoảng cách từ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh đến thực thi ở cấp sở, ban, ngành và cấp huyện.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương, các

sở, ban, ngành và cấp huyện; trên cơ sở đó, đánh giá công tác điều hành của các sở, ban, ngành và cấp huyện trong năm 2022.

- Tiếp tục tạo sự thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa các Sở, ban, ngành và cấp huyện từ đó tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực.

- Cung cấp công cụ hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh. DDCI là công cụ giúp nắm bắt kịp thời và phản ánh đầy đủ, khách quan về hiện trạng môi trường kinh doanh tại tỉnh, qua điều tra DDCI để hỗ trợ công tác hoạch định và thực thi chính sách tại tỉnh.

- Xác định những điểm nghẽn trong công tác giải quyết thủ tục hành chính, song cũng giúp nhận diện những mô hình hay, cách làm tốt để nhân rộng trên địa bàn của tỉnh.

III. Phương pháp xây dựng báo cáo

Các thức triển khai khảo sát DDCI Kon Tum 2022 thực hiện song song hai hình thức khảo sát gián tiếp và trực tiếp. Khảo sát gián tiếp tiến hành bằng hai cách khảo sát trực tuyến qua đường link do đơn vị tư vấn tạo lập và khảo sát qua đường bưu chính. Bên cạnh đó, đơn vị tư vấn cũng tiến hành khảo sát trực tiếp, các điều tra viên đến trực tiếp các đối tượng khảo sát để thuyết phục, vận động trả lời phiếu khảo sát. Danh sách DN/HTX/HKD trong danh sách mẫu của mỗi địa phương hoàn toàn được chọn một cách ngẫu nhiên, đảm bảo tối đa tính khách quan và mang tính đại diện về thống kê.

Phân tích dữ liệu khảo sát:

Sau khi nhận phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm tra phiếu, nhập liệu và phân tích. Việc nhập liệu sẽ được thực hiện bởi những cán bộ đã được tập huấn. Các lỗi logic trong các phiếu hỏi sẽ được xác thực lại với người điền phiếu để đảm bảo chất lượng phiếu. Sau khi việc nhập liệu hoàn tất, dữ liệu sẽ tiếp tục được phân tích. Quá trình phân tích dữ liệu được thực hiện qua 2 phương thức độc lập: phân tích thông qua chương trình xử lý Microsoft Excel và phần mềm xử lý thống kê Stata. Việc thực hiện phân tích qua 2

phương thức độc lập này nhằm mục đích kiểm chứng, đối chiếu kết quả để đảm bảo tính chính xác của kết quả tính toán.

Thảo luận nhóm và tham vấn ý kiến chuyên gia:

Ngoài việc phân tích, tổng hợp dữ liệu để xây dựng báo cáo, xuyên suốt quá trình thực hiện DDCI Kon Tum, nhóm nghiên cứu áp dụng việc tham vấn ý kiến chuyên gia về các chỉ số thành phần, phương pháp tính điểm cũng như các giải pháp, đề xuất phù hợp với địa phương. Ngoài ra nhóm nghiên cứu đã phối hợp với các chuyên gia của VCCI trong suốt quá trình xây dựng báo cáo, tổ chức nhiều cuộc thảo luận nhóm nhằm hiệu chỉnh, đưa ra phương pháp tối ưu, nổi bật và tổng hợp những góp ý nhằm xây dựng cuộc khảo sát và báo cáo DDCI của tỉnh có chất lượng. Trong quá trình dự thảo bộ chỉ số và dự thảo báo cáo DDCI, nhóm nghiên cứu gửi các tài liệu liên quan đến các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực có liên quan để có được những ý kiến tham vấn từ nhiều góc độ khác nhau.

Nghiên cứu, tham khảo dữ liệu thứ cấp:

Để tăng thêm góc nhìn đa chiều về kết quả khảo sát, có thêm dữ liệu để đối chiếu với kết quả khảo sát và đảm bảo tính phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, nhóm nghiên cứu tìm hiểu thêm tình hình môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh Kon Tum thông qua phân tích các nguồn thông tin thứ cấp từ các báo cáo tình hình kinh tế xã hội của tỉnh, báo cáo cải cách hành chính của tỉnh, dữ liệu từ Cục thống kê và các phương tiện truyền thông...

IV. Bộ chỉ số DDCI Kon Tum

1. Đối tượng được đánh giá

Đối tượng tham gia đánh giá khảo sát DDCI Kon Tum 2022 là các DN, HTX và HKD đang có hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh và có tương tác hoặc sử dụng DVHCC của các sở, ban, ngành và cấp huyện tại tỉnh. Trong 3 đối tượng đánh giá, DN sẽ là đối tượng đánh giá chủ yếu; HTX và HKD chiếm số lượng ít hơn và chỉ đánh giá cấp huyện. Việc xác định đối tượng đánh giá tuân thủ 3 quy tắc: (1) *Đảm bảo tính ngẫu nhiên*; (2) *Mang tính đại diện* và (3) *Không lựa chọn mẫu theo định hướng chủ quan của các bên liên quan*. Có 22 đơn vị được đánh giá, chia làm 2 nhóm:

Bảng 1. Đối tượng được đánh giá

STT	Nhóm 1: Sở, ban, ngành	STT	Nhóm 2: Cấp huyện
1	Sở KH&ĐT	1	TP. Kon Tum
2	Sở TN&MT	2	Huyện Đăk Tô
3	Sở Xây dựng	3	Huyện Đăk Glei
4	Sở Công thương	4	Huyện Kon Plông
5	Sở LĐ-TB&XH	5	Huyện Đăk Hà
6	Sở NN&PTNT	6	Huyện Ngọc Hồi
7	Sở TT&TT	7	Huyện Sa Thầy
8	Sở GTVT	8	Huyện Tu Mơ Rông
9	BQL KKT	9	Huyện Kon Rẫy
10	Cục thuế tỉnh	10	Huyện Ia H' Drai
11	BHXH tỉnh		
12	Thanh tra tỉnh		

2. Các CSTP và tiêu chí đánh giá

Bộ chỉ số DDCI Kon Tum 2022 bao gồm 8 CSTP là: (1) *Tính minh bạch*; (2) *Tính năng động*; (3) *Chi phí thời gian*; (4) *CPKCT*; (5) *Cạnh tranh bình đẳng*; (6) *Hỗ trợ DN*; (7) *Thiết chế pháp lý* và (8) *Vai trò người đứng đầu*.

3. Phương pháp tính điểm

Tính điểm CSTP: Tính điểm của mỗi tiêu chí của từng chỉ số, từ đó tính ra điểm CSTP. Mỗi CSTP có nhiều tiêu chí, các tiêu chí có các thông số khác nhau. Các thông số này lại có những đơn vị không giống nhau (có thể là %, số ngày, số lần hay không có đơn vị) nên cần phải quy chuẩn điểm số về một đơn vị đo lường chung (quy về điểm 10). Mỗi tiêu chí theo mức trả lời của DN tương ứng: Thực tiễn tốt nhất 10 điểm; thực tiễn xấu nhất: 1 điểm.

- Nếu tiêu chí thuận: $\text{Điểm} = 9 * [(\text{điểm của đơn vị} - \text{điểm nhỏ nhất}) / (\text{điểm lớn nhất} - \text{điểm nhỏ nhất})] + 1$

- Nếu tiêu chí nghịch: $\text{Điểm} = 11 - \{9 * [(\text{điểm của đơn vị} - \text{điểm nhỏ nhất}) / (\text{điểm lớn nhất} - \text{điểm nhỏ nhất})] + 1\}$

Sau khi tính được điểm của từng tiêu chí theo thang điểm 10, tùy vào mức độ quan trọng của từng tiêu chí sẽ có trọng số thích hợp để tính toán điểm chỉ số thành phần.

Bảng 2. Trọng số đánh giá

Trọng số cấp sở, ban, ngành			Trọng số cấp huyện		
STT	Tên CSTP	Trọng số	STT	Tên CSTP	Trọng số
1	Tính minh bạch	10%	1	Tính minh bạch	15%
2	Tính năng động	20%	2	Tính năng động	10%
3	Chi phí thời gian	10%	3	Chi phí thời gian	15%
4	CPKCT	15%	4	CPKCT	15%
5	Cạnh tranh bình đẳng	10%	5	Cạnh tranh bình đẳng	10%
6	Hỗ trợ DN	10%	6	Hỗ trợ DN	10%
7	Thiết chế pháp lý	10%	7	Thiết chế pháp lý	10%
8	Vai trò người đứng đầu	15%	8	Vai trò người đứng đầu	15%

Nhóm sở, ban ngành và nhóm địa phương có trọng số đánh giá các CSTP là khác nhau. Lý do là trong từng nhóm đánh giá, tầm quan trọng, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cũng khác nhau.

V. Cách thức triển khai khảo sát

1. Mẫu khảo sát

Trong khảo sát DDCI Kon Tum 2022, bên cạnh danh sách các DN, HKD, HTX đang hoạt động trong năm 2022 do Cục Thuế tỉnh cung cấp, thì các sở, ban, ngành và các huyện, TP thuộc các đối tượng được đánh giá cũng cung cấp danh sách các DN, HKD, HTX từng thực hiện TTHC hoặc tương tác với các đơn vị trong năm. Dựa vào danh sách do các đơn vị có liên quan cung cấp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành rà soát, kiểm tra dữ liệu, chọn mẫu để tiến hành khảo sát.

Mẫu khảo sát DDCI Kon Tum 2022 thực hiện theo hình thức lấy mẫu ngẫu nhiên, dựa trên các tiêu chí:

- Địa phương hoạt động: Tất cả các địa phương (huyện, TP) trên địa bàn tỉnh.
- Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ/Thương mại; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Nông – Lâm nghiệp và thủy sản; Xây dựng, bất động sản và Khai khoáng.
- Thời gian hoạt động của DN

2. Cách thức khảo sát DDCI Kon Tum 2022

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Kon Tum (Trung tâm) tiếp tục là đơn vị chủ trì triển khai khảo sát. Sau khi nhận danh sách chọn mẫu ngẫu nhiên, Trung tâm tiến hành nhiều phương pháp khảo sát như gửi phiếu khảo sát qua bưu điện; liên hệ, gửi link khảo sát online và đến khảo sát trực tiếp tại DN. Đối với các DN sử dụng khảo sát online, kết quả khảo sát sẽ được cập nhật trên hệ thống do VCCI Đà Nẵng quản lý. Đối với các DN khảo sát qua các phiếu khảo sát, phiếu sẽ được trung tâm thu về sẽ được kiểm tra số lượng và gửi về VCCI Đà Nẵng. Trong quá trình VCCI Đà Nẵng kiểm tra, tổng hợp các phiếu khảo sát, nếu có phát sinh trường hợp thiếu phiếu khảo sát tại địa phương nào, sẽ tiến hành khảo sát bổ sung địa phương đó.

Quá trình triển khai khảo sát DDCI 2022 đã tiếp cận² được 1.163 DN, 98 HTX, 381 HKD trên địa bàn tỉnh, chiếm tỷ lệ lần lượt là 40%, 68% và 4% số lượng DN, HTX, HKD đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Tổng số phiếu khảo sát thu được từ cuộc khảo sát là 614 phiếu, đạt 37% so với số lượng DN, HTX, HKD đã tiếp cận.

Bảng 3. Mẫu khảo sát DN

STT	Địa phương	Tổng số DN	Mẫu khảo sát	Tỷ lệ mẫu/ Tổng số DN
1	TP. Kon Tum	1.874	376	20%
2	Huyện Đăk Tô	149	115	77%
3	Huyện Đăk Glei	103	65	63%
4	Huyện Kon Plông	166	124	75%
5	Huyện Đăk Hà	196	145	74%
6	Huyện Ngọc Hồi	241	164	68%
7	Huyện Sa Thầy	70	62	89%
8	Huyện Tu Mơ Rông	47	47	100%
9	Huyện Kon Rẫy	39	39	100%
10	Huyện Ia H'Drai	26	26	100%
		2.911	1.163	40%

² Tiếp cận được hiểu là hoạt động gọi điện thoại liên hệ, tìm địa chỉ và tiến hành khảo sát.

Bảng 4. Mẫu khảo sát HTX, HKD

STT	Địa phương	Tổng số HTX	Mẫu khảo sát HTX	Tỷ lệ mẫu/Tổng số HTX	Tổng số HKD	Mẫu khảo sát HKD	Tỷ lệ mẫu/Tổng số HKD
1	TP. Kon Tum	29	12	41%	3.851	30	1%
2	Huyện Đắk Tô	12	8	67%	1.579	25	2%
3	Huyện Đắk Glei	8	8	100%	585	35	6%
4	Huyện Kon Plông	16	7	44%	119	20	17%
5	Huyện Đắk Hà	17	8	47%	253	25	10%
6	Huyện Ngọc Hồi	15	8	53%	772	26	3%
7	Huyện Sa Thầy	10	10	100%	1.250	35	3%
8	Huyện Tu Mơ Rông	17	17	100%	978	55	6%
9	Huyện Kon Rẫy	6	6	100%	591	65	11%
10	Huyện Ia H'Drai	14	14	100%	65	65	100%
		144	98	68%	10.043	381	4%

Tỷ lệ hồi đáp của DN, HTX, HKD của tỉnh ở mức khá cao trong đó HTX có tỷ lệ phản hồi tốt nhất với 67%, tiếp theo là DN với 37%. Nhóm HKD có tỷ lệ hồi đáp thấp nhất với 32%. Có thể thấy DN, HKD, HTX của tỉnh đã dành nhiều sự quan tâm đến khảo sát DDCI, bên cạnh đó cũng cho thấy nỗ lực đơn vị triển khai khảo sát đã rất nỗ lực vận động DN, HKD, HTX tham gia khảo sát DDCI vừa đảm bảo chất lượng, tiến độ cho cuộc khảo sát.

Bảng 5. Tỷ lệ hồi đáp

	DN	HTX	HKD
Số phiếu phát ra	1.163	98	381
Số phiếu thu về	426	66	122
Tỷ lệ hồi đáp (%)	37%	67%	32%

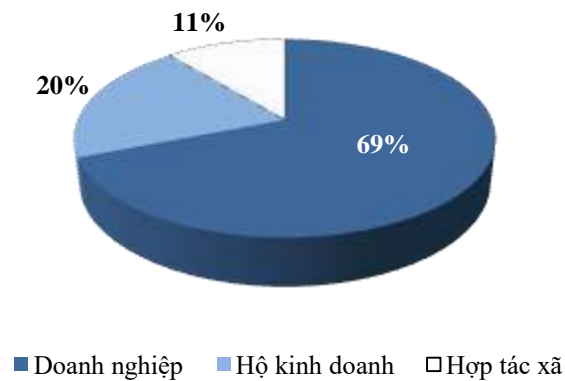
Cơ sở dữ liệu đánh giá DDCI Kon Tum 2022 được xây dựng từ 1.893 ý kiến đánh giá các sở, ban, ngành và cấp huyện. Trong đó, có 1.208 ý kiến đánh giá các sở, ban, ngành và 685 ý kiến đánh giá cấp huyện, số lượng các ý kiến đánh giá đảm bảo nhận diện được

điểm mạnh và điểm yếu trong hoạt động điều hành kinh tế, hỗ trợ DN của các sở, ban, ngành và các huyện thị thuộc tỉnh Kon Tum.

3. Đặc điểm đối tượng tham gia khảo sát

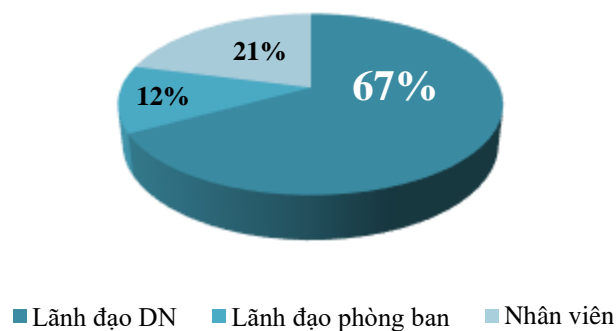
Trong số 614 DN trả lời khảo sát DDCI Kon Tum 2022, DN là đối tượng chiếm tỷ trọng lớn nhất tham gia khảo sát với tỷ lệ là 69%, tiếp theo là HKD với 20% và HTX chiếm tỷ lệ thấp nhất chỉ với 11%.

Hình 1. Phân loại đối tượng khảo sát



Đối tượng trả lời khảo sát chủ yếu là lãnh đạo DN, lãnh đạo phòng ban với tỷ lệ khoảng 79%. Lãnh đạo DN, lãnh đạo phòng ban là các cá nhân có cái nhìn tổng quát về DN, bên cạnh đó cũng thường tiếp xúc, làm việc với các sở, ban, ngành, huyện thị do đó có đủ thông tin để đưa ra các nhận định, cảm nhận về các đơn vị. Số liệu này đảm bảo được mức độ tin cậy của các câu trả lời trong phiếu khảo sát đảm bảo tính đại diện cho ý kiến của DN.

Hình 2. Chức vụ người trả lời khảo sát



Trong các DN trả lời khảo sát có đến 97% DN có số lượng lao động dưới 100 người, đối với các HKD, HTX tỷ lệ này là 98,2%. Xét về số vốn đăng ký, cũng có đến 95,4% DN có số vốn đăng ký dưới 100 tỷ, với HDK và HTX thì tỷ lệ này cao hơn với 98,3%. Dựa vào kết quả khảo sát về quy mô lao động và quy mô vốn, dễ dàng nhận thấy hầu như các DN tham gia khảo sát phần lớn là DNNVV. Số liệu này hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế của các DN của tỉnh với đại đa số là DNNVV.

Bảng 6. Số lao động đăng ký

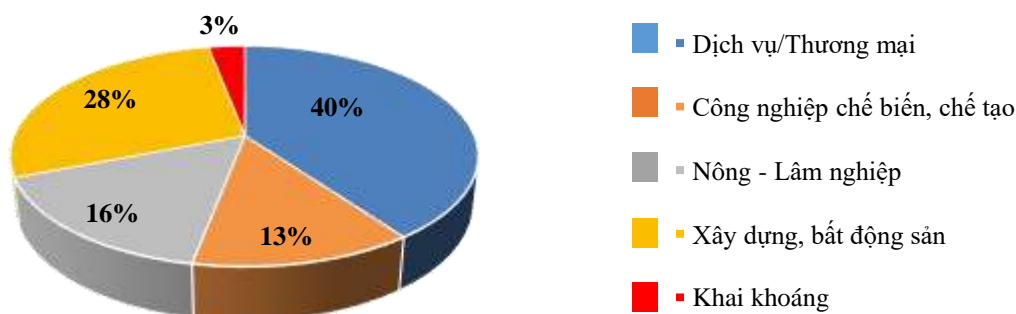
	Không vượt quá 10 người	Từ 11 đến 100 người	Từ 101 đến 200 người	Trên 200 người
DN	33,4%	63,6%	2,5%	0,5%
HKD, HTX	75,1%	23,1%	1,2%	0,6%

Bảng 7. Số vốn đăng ký

	Dưới 3 tỷ	Từ 3 tỷ đến dưới 20 tỷ	Từ 20 đến dưới 50 tỷ	Từ 50 đến dưới 100 tỷ	Từ 100 đến dưới 300 tỷ	Trên 300 tỷ
DN	45,1%	39,9%	6,9%	3,5%	1,5%	3,1%
HKD, HTX	91,9%	6,4%			0,6%	1,1%

Các DN kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ/thương mại chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các DN tham gia khảo sát với tỷ lệ 40%. Xây dựng, bất động sản là lĩnh vực tiếp theo có tỷ trọng DN khảo sát cao tiếp theo với tỷ lệ là 28%. Hai lĩnh vực Nông - lâm nghiệp và Công nghiệp chế biến, chế tạo có tỷ trọng khá tương đương nhau với lần lượt là 16% và 13%. Tỷ trọng các lĩnh vực kinh doanh của các DN trả lời khảo sát nhìn chung tương ứng với tỷ trọng lĩnh vực kinh doanh các DN đang hoạt động tại tỉnh.

Hình 3. Lĩnh vực kinh doanh



Chương



KẾT QUẢ KHẢO SÁT

CHƯƠNG II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

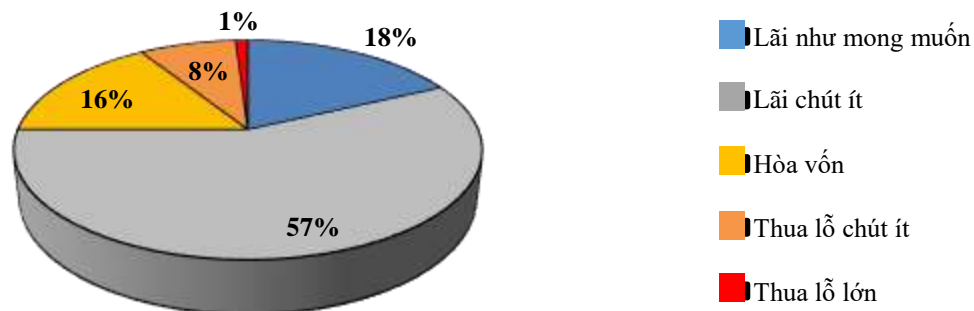
Năm 2022 là giai đoạn phục hồi kinh tế sau khi Việt Nam cơ bản kiểm soát được đại dịch Covid-19. Kinh tế xã hội của tỉnh Kon Tum đã có những chuyển biến tích cực, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2022 ước đạt 17.627 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước; giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước tính năm 2022 đạt 8.246 tỷ đồng, tăng 7,79% so với cùng kỳ; tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 320,8 triệu USD, tăng 10,43% so với cùng kỳ năm trước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 30.898 tỷ đồng, tăng 22,84% so với cùng kỳ năm 2021. Có thể thấy bức tranh kinh tế xã hội của Kon Tum đã có nhiều gam màu tươi sáng hơn sau thời gian dài ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

I. Tình hình sản xuất kinh doanh của DN

Tổng số DN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh hiện có gần 3.000 DN, tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, hoạt động kinh doanh của cộng đồng DN tại tỉnh dần phục hồi trở lại. Tính riêng năm 2022, toàn tỉnh có khoảng 320 DN đăng ký thành lập mới, tăng 6,31% so với cùng kỳ.

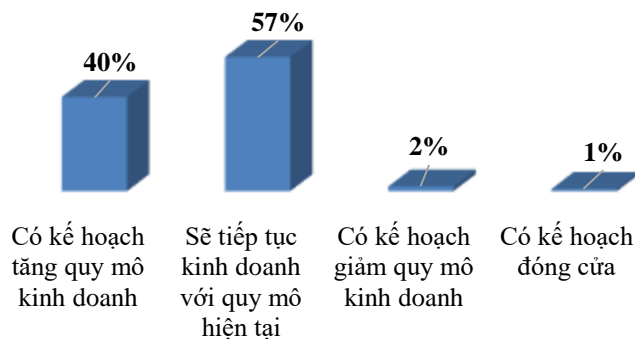
Theo kết quả khảo sát DDCI Kon Tum 2022, tỷ lệ DN có kết quả kinh doanh thua lỗ ở mức 9%, tỷ lệ này đã giảm rất nhiều so với con số 26% trong năm trước, có 8% DN cho biết thua lỗ chút ít và 1% DN thông báo thua lỗ lớn. Tỷ lệ DN cho biết kinh doanh có lãi trong năm qua là 75%, tăng 20% so với năm trước. Có thể thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của DN đang hồi phục và phát triển sau khi đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát.

Hình 4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN



Với việc kết quả kinh doanh có nhiều sự cải thiện khi dịch bệnh được lắng xuống, DN tại tỉnh đã có kế hoạch sẽ tăng quy mô kinh doanh với 40% DN được khảo sát cho biết sẽ tăng quy mô kinh doanh trong vòng hai năm tiếp theo, tăng 11% so với năm trước. Phần lớn DN được khảo sát cho biết sẽ tiếp tục kinh doanh với quy mô hiện tại với 57%. Tỷ lệ DN có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa đã giảm mạnh 3% so với năm trước chỉ còn 1% năm 2021.

Hình 5. Kế hoạch kinh doanh trong hai năm tiếp theo

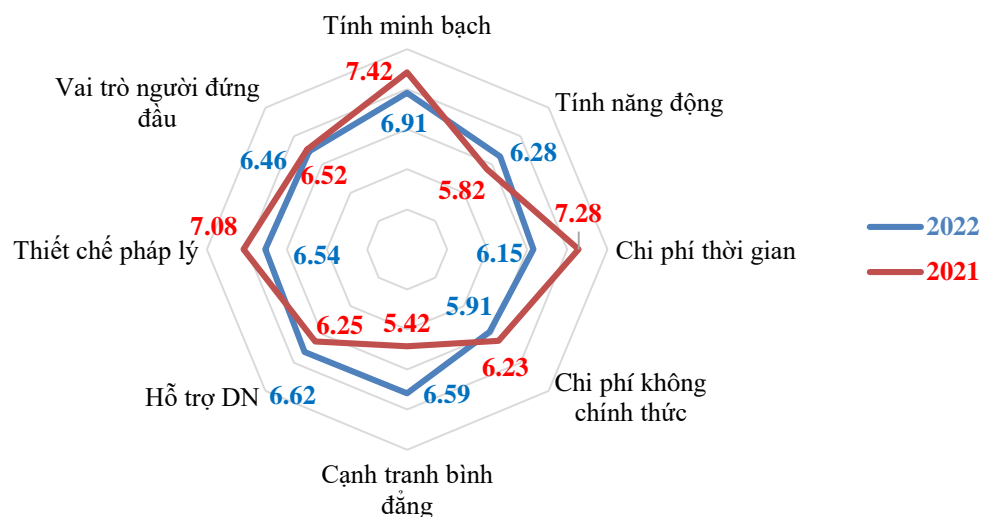


II. Kết quả khảo sát DDCI Kon Tum 2022

1. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành

1.1. Kết quả DDCI cấp sở, ban, ngành Kon Tum theo các CSTP

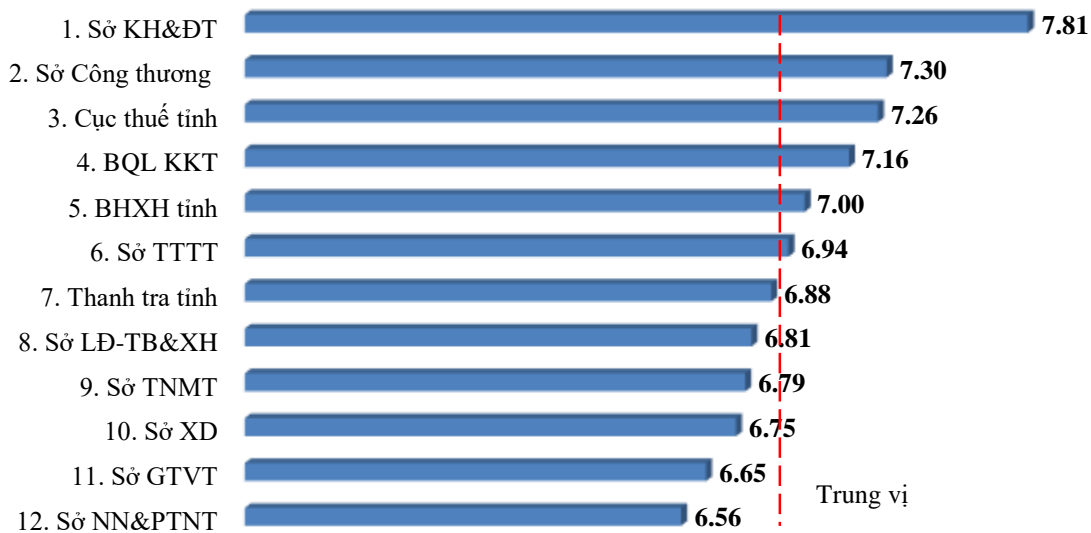
Hình 6. Trung vị của các CSTP nhóm sở, ban, ngành



Có 7/8 CSTP trong nhóm sở, ban, ngành có điểm trung vị trên 6 điểm trong đó CSTP Tính minh bạch là CSTP có điểm trung vị cao nhất với 6,91 điểm, các CSTP có điểm trung vị cao tiếp theo lần lượt là Hỗ trợ DN (6,62 điểm) và Cạnh tranh bình đẳng (6,59 điểm). Ba CSTP có điểm trung vị thấp nhất trong 8 CSTP là Chi phí thời gian (6,15 điểm), Tính năng động (6,28 điểm) và CPKCT (5,91 điểm). Trong 8 CSTP thì có 3 CSTP tăng điểm trung vị là Tính năng động, Cạnh tranh bình đẳng và Hỗ trợ DN.

a. Tính minh bạch

Hình 7. CSTP Tính minh bạch nhóm sở, ban, ngành



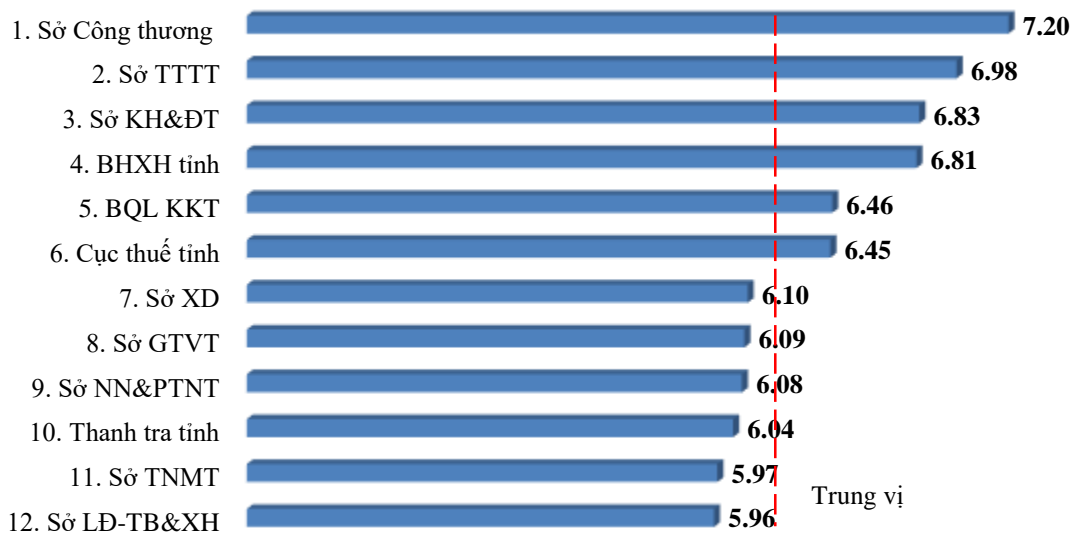
Năm 2022 ghi nhận mức điểm trung vị là 6,91 điểm, giảm 0,51 điểm so với năm 2021. Mặc dù giảm điểm trung vị trong năm 2022, tuy nhiên đây là CSTP có điểm trung vị cao nhất trong nhóm sở, ban, ngành. Các đơn vị có điểm CSTP cao trong nhóm sở, ban, ngành như Sở KH&ĐT (7,81 điểm), Sở Công thương (7,3 điểm) và Cục Thuế tỉnh (7,26 điểm). CSTP Tính minh bạch năm 2022 trong nhóm sở, ban, ngành có xu hướng giảm điểm, 11/12 đơn vị giảm điểm trong năm 2022. Đây là CSTP có điểm trung vị cao nhất trong nhóm sở, ban, ngành.

Đối với hoạt động cung cấp thông tin của các đơn vị, sự kịp thời trong việc cung cấp thông tin đã có sự cải thiện khi trung vị các DN cho rằng các đơn vị cung cấp thông tin

kip thời tăng 6,5% đạt tỷ lệ 71,4%. Việc tiếp cận tài liệu, thông tin được DN đánh giá là chưa có nhiều sự cải thiện, tuy nhiên trung vị tiêu chí “*Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin dễ dàng*” cũng đã tăng nhẹ 0,2% so với năm 2021. Mặc dù tỷ lệ DN từng truy cập vào website các đơn vị tăng 0,6% đạt tỷ lệ 91,2% tuy nhiên tỷ lệ DN đánh giá thông tin trên website hữu ích không có sự cải thiện, trung vị tiêu chí này giảm 2,7% so với năm trước, còn 81,4%.

b. Tính năng động

Hình 8. CSTP Tính năng động nhóm sở, ban, ngành



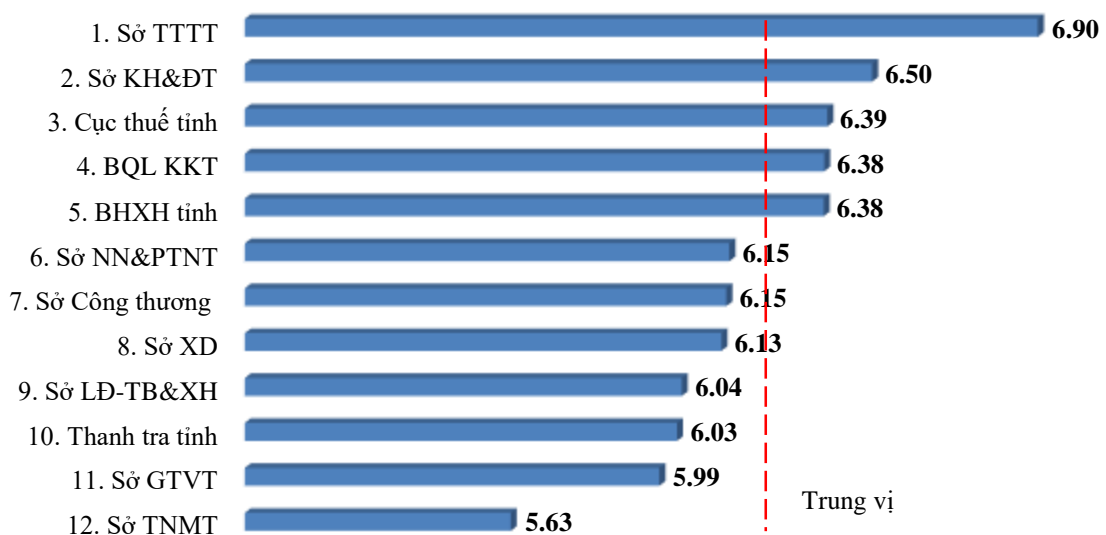
Năm 2022 ghi nhận xu hướng tăng điểm của các sở, ban, ngành, mức điểm tăng của các đơn vị không quá nhiều chỉ từ 0,16 đến 1,3 điểm. Có 11 đơn vị có điểm số CSTP Tính năng động tăng trong năm 2021, trong đó Sở TT&TT là đơn vị có mức tăng điểm tốt nhất trong các đơn vị. Điểm trung vị của CSTP Tính năng động tăng 0,46 điểm.

Khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của DN tại các sở, ban, ngành được đánh giá có sự cải thiện, với tỷ lệ DN đồng ý với nhận định “*Sở, ban, ngành kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN*” có trung vị 73,2%, tăng 4% so với năm trước. Tỷ lệ DN đồng ý nhận định “*Sở, ban, ngành phản ứng chủ động trong giải quyết những vấn đề mới phát sinh*” có sự cải thiện đáng kể, tất cả các sở, ban,

ngành đều có sự cải thiện trong tiêu chí này, trung vị của tiêu chí này tăng 7,9%. Năm 2022, bổ sung tiêu chí đánh giá phản ứng của các sở, ban, ngành khi xử lý những vướng mắc của DN ngoài phạm vi, quyền hạn của đơn vị, có trung vị 57,4% đánh giá các sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, trao đổi xử lý, đây là một yếu tố các đơn vị cần quan tâm cải thiện hơn trong thời gian tới.

c. Chi phí thời gian

Hình 9. CSTP Chi phí thời gian nhóm sở, ban, ngành



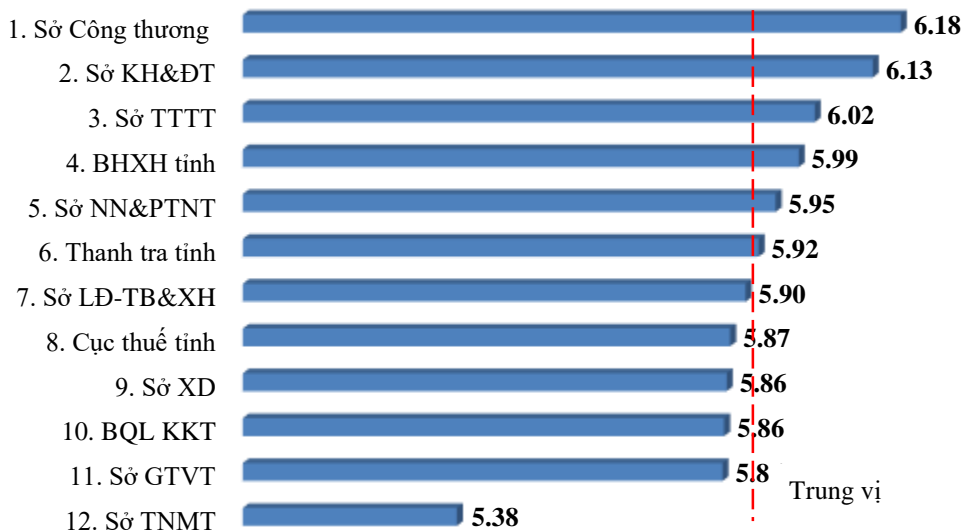
CSTP Chi phí thời gian năm 2022 có điểm trung vị là 6,15 điểm, đây là CSTP có mức giảm điểm trung vị nhiều trong các CSTP. Ba đơn vị có điểm số Chi phí thời gian cao trong nhóm sở, ban, ngành là Sở TTTT (6,9 điểm), Sở KH&ĐT (6,5 điểm) và Cục Thuế tỉnh (6,39 điểm).

Về công tác thanh tra, kiểm tra, qua số liệu khảo sát có thể thấy tỷ lệ DN cho biết bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên có trung vị tăng 0,5% so với năm trước với trung vị là 7,9%. Khi được hỏi các cuộc thanh tra, kiểm tra có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động kinh doanh của DN thì có trung vị 66% DN cho biết hoạt động thanh tra, kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của DN, tỷ lệ này vẫn chưa cao và các đơn vị cần nỗ lực cải thiện. Tại tiêu chí “*Nội dung thanh, kiểm tra trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành*”, trung vị tiêu chí này giảm 4,3% ở mức 65,8%.

Đánh giá về xử lý TTHC và các công việc có liên quan, có trung vị 90,6% DN được hỏi cho biết sở, ban, ngành tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC, ngoài ra có trung vị 81,6% DN cho biết chỉ phải đi lại 1 đến 2 lần để hoàn tất TTHC, các tiêu chí này có trung vị giảm so với năm trước. Theo kết quả khảo sát, hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn có xu hướng giảm, cụ thể, trung vị tiêu chí này giảm 7,4% so với năm trước.

d. Chi phí không chính thức

Hình 10. CSTP CPKCT nhóm sở, ban, ngành³



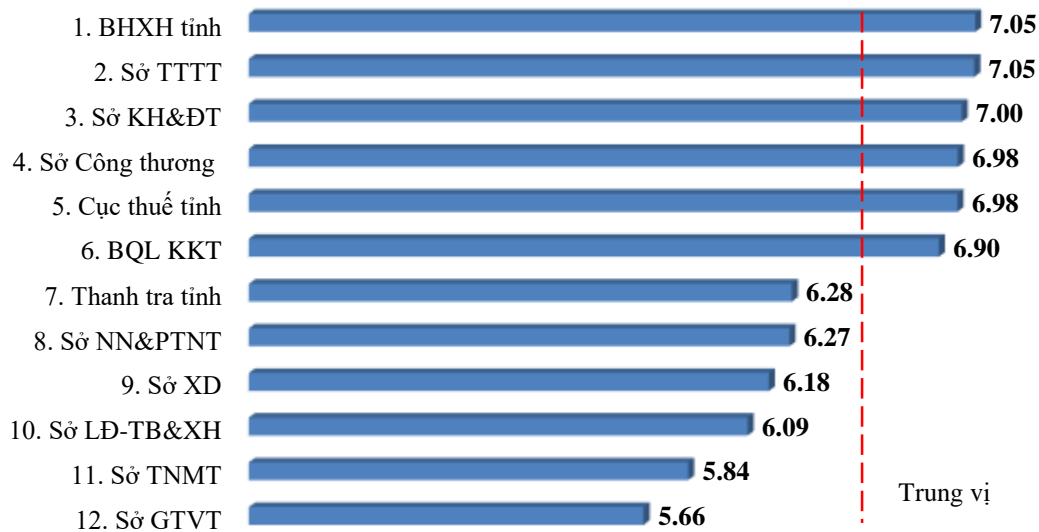
Điểm trung vị của CSTP CPKCT năm 2022 là 5,91 điểm, giảm 0,32 điểm so với năm trước, đây cũng là CSTP có điểm trung vị thấp nhất trong nhóm sở, ban, ngành. Trong 12 sở, ban, ngành được đánh giá có 10 đơn vị giảm điểm. Tỷ lệ DN cho biết có trả CPKCT có trung vị giảm nhẹ 0,8% với trung vị 15,4%. Hiện tượng những nhiễu có xu hướng tăng, theo kết quả khảo sát có trung vị 21,4% DN cho biết “*Hiện tượng nhiễu là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành*”, tỷ lệ này tăng 1,7% so với năm trước. Mức giảm CPKCT ở các sở, ban, ngành có nhiều sự cải thiện, tỷ

³ Điểm số được làm tròn ở số thập phân thứ hai, do đó một số đơn vị trên hình có cùng điểm số nhưng thứ hạng khác nhau là do điểm số khác nhau ở số thập phân thứ ba trở lên.

lệ DN đánh giá “Chi phí không chính thức được giảm bớt” là 38,7%, tỷ lệ này tăng 10% so với năm trước.

e. Cạnh tranh bình đẳng

Hình 11. CSTP Cạnh tranh bình đẳng nhóm sở, ban, ngành⁴

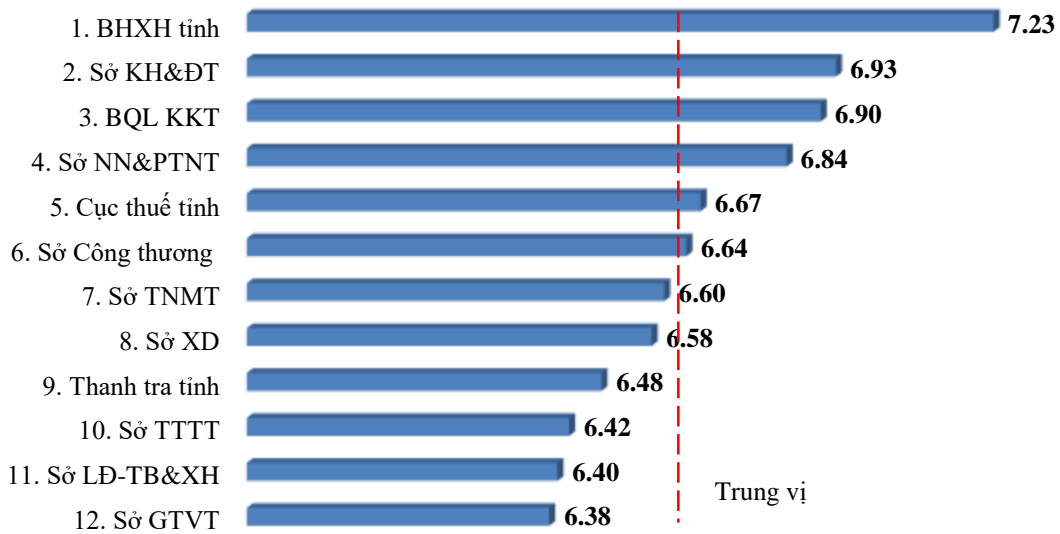


Năm 2022, điểm trung vị của CSTP Cạnh tranh bình đẳng tăng 1,17 điểm, đạt 6,59 điểm. Có 11 đơn vị tăng điểm ở CSTP Cạnh tranh bình đẳng với mức tăng từ 0,05 đến 1,7 điểm. BHHH tỉnh, Sở TTTT và Sở KH&ĐT là các đơn vị có điểm CSTP Cạnh tranh bình đẳng được DN đánh giá cao trong nhóm sở, ban, ngành.

Trong CSTP Cạnh tranh bình đẳng, tỷ lệ DN cảm nhận “DN sân sau, DN thân hữu được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác” có trung vị là 34,2%, đối với tiêu chí “DN lớn được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác” trung vị thấp hơn đôi chút với 29,5%. Tỷ lệ DN cảm nhận, việc ưu ái cho các DN sân sau, DN thân hữu gây khó khăn cho DN khác thấp hơn so với các DN lớn, cụ thể có trung vị 40,1% cảm nhận “Việc ưu ái cho các DN lớn gây khó khăn cho DN khác”, với tiêu chí “Việc ưu ái cho các DN sân sau, DN thân hữu gây khó khăn cho DN khác” trung vị là 37,8%.

⁴ Điểm số được làm tròn ở số thập phân thứ hai, do đó một số đơn vị trên hình có cùng điểm số nhưng thứ hạng khác nhau là do điểm số khác nhau ở số thập phân thứ ba trở lên.

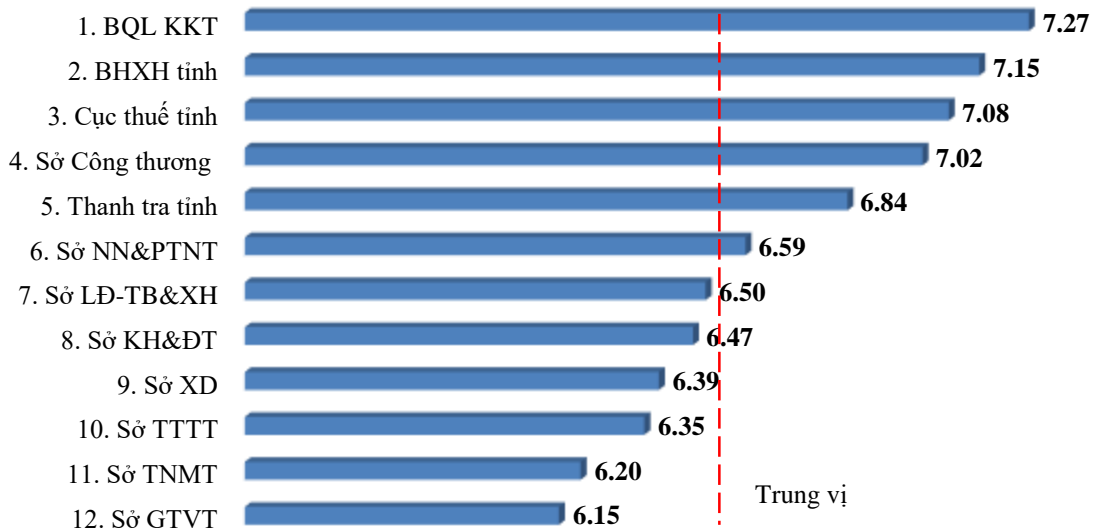
f. Hỗ trợ DN

Hình 12. CSTP Hỗ trợ DN nhóm sở, ban, ngành

CSTP Hỗ trợ DN có trung vị tăng 0,37 điểm đạt trung vị 6,62 điểm, đây cũng là CSTP có điểm trung vị cao thứ hai trong nhóm sở, ban, ngành. BHXH tỉnh là đơn vị dẫn đầu về chỉ số Hỗ trợ DN năm 2022 với 7,23 điểm. Sở KH&ĐT là đơn vị có điểm số cao thứ hai trong CSTP Hỗ trợ DN. Năm 2022 cũng ghi nhận xu hướng tăng điểm của 10/12 sở, ban, ngành.

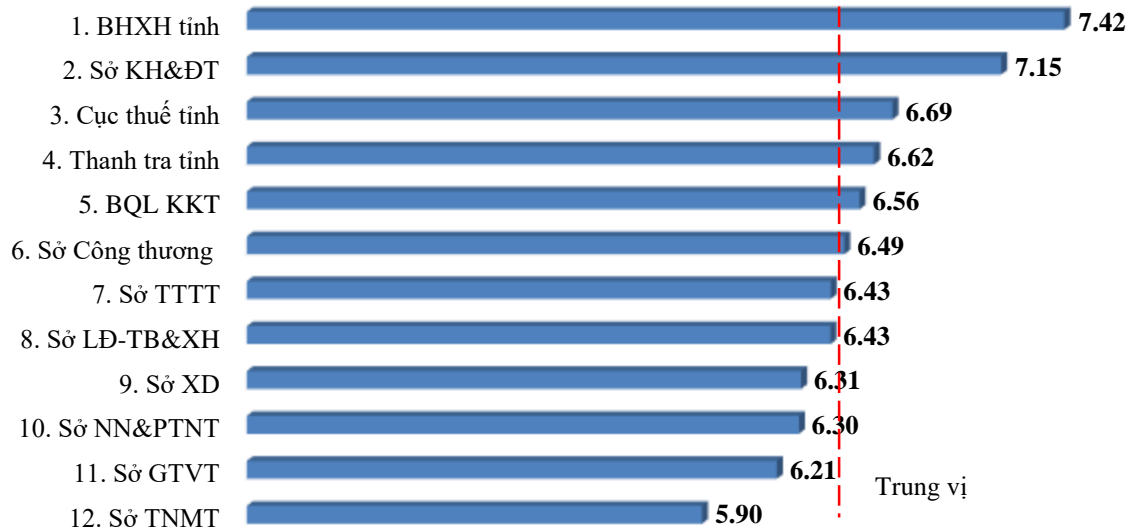
Theo kết quả khảo sát, trung vị tiêu chí “*Tổ chức các chương trình hỗ trợ DN*” và “*Tổ chức các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN*” tại nhóm sở, ban, đều trên 50%, cụ thể đối với các chương trình hỗ trợ DN trung vị là 53%, còn với các chương trình trao đổi thông tin đối thoại DN trung vị là 61,1%. Mặc dù đây vẫn chưa là tỷ lệ cao tuy nhiên cũng đã thấy được nỗ lực của các sở, ban, ngành trong việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ DN. Đánh giá về hiệu quả của các chương trình, tỷ lệ DN đánh giá “*Các chương trình hỗ trợ DN do sở, ban, ngành tổ chức đều thiết thực*” đã tăng 9% so với năm trước, đạt 84,8%; tuy nhiên đối với các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN, tỷ lệ DN cho rằng “*Vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ kịp thời tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin*” là 91,2%, giảm nhẹ 1% so với năm 2021.

g. Thiết chế pháp lý

Hình 13. CSTP Thiết chế pháp lý nhóm sở, ban, ngành

Năm 2022 ghi nhận xu hướng giảm điểm của CSTP Thiết chế pháp lý, điểm trung vị giảm 0,54 điểm so với năm 2021, bên cạnh đó có 9 đơn vị có điểm số CSTP Thiết chế pháp lý giảm điểm. Đánh giá công tác ban hành và thực thi VBPL, tỷ lệ DN cho rằng “*Các VBPL đã ban hành được DN đánh giá tốt và có tính thực thi cao*” là 85% và tiêu chí “*Công tác truyền thông và phổ biến VBPL được thực hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ*” có trung vị là 79,5%, đây là những tỷ lệ không quá cao và còn nhiều dư địa để cải thiện. Ngoài ra, tỷ lệ DN đánh giá “*Công tác thực thi VBPL nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định*” có sự giảm nhẹ trong năm 2022, giảm 1,9% ở mức 91%. Công tác xử lý phản ánh, kiến nghị của DN có xu hướng cải thiện tích cực, tỷ lệ DN đánh giá “*Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng*” tăng 3,7% đạt 75,7%, công tác hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị cũng nhận được nhiều sự phản hồi tích cực khi trung vị ở tiêu chí này đã tăng 2,8% so với năm 2021 đạt 80,7%. Có trung vị 77,7% DN cảm nhận “*Luôn có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại*”.

h. Vai trò người đứng đầu

Hình 14. CSTP Vai trò người đứng đầu nhóm sở, ban, ngành⁵

Năm 2022 ghi nhận xu hướng giảm điểm về CSTP Vai trò người đứng đầu của 8/12 sở, ban, ngành so với năm 2021. Điểm trung vị của CSTP Vai trò người đứng đầu năm 2022 cũng giảm 0,06 điểm, điểm trung vị của CSTP này là 6,46 điểm.

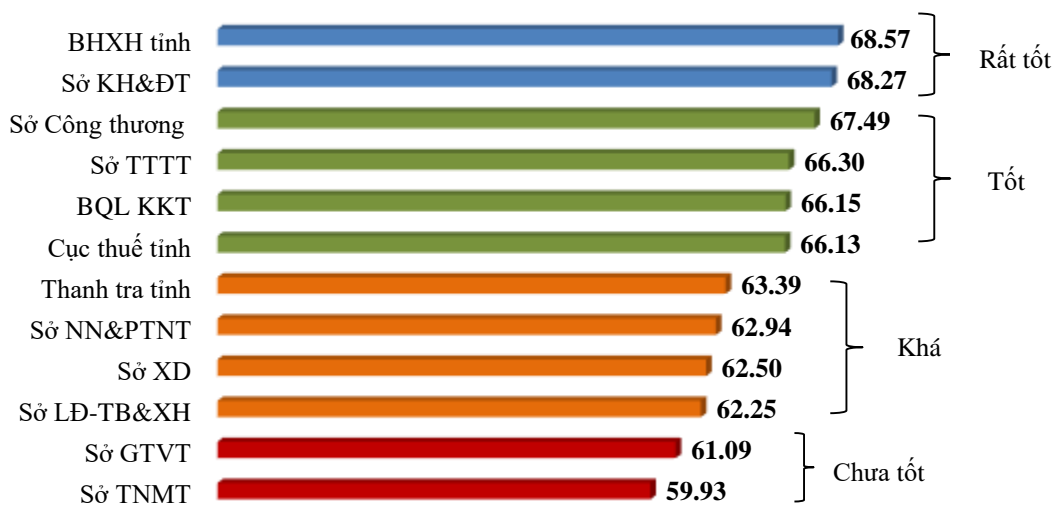
Theo kết quả khảo sát DDCI Kon Tum 2022, tiêu chí “*Lãnh đạo sở, ban, ngành có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm*” giảm nhẹ 0,4% có trung vị là 85% trong năm 2022. Tỷ lệ DN cảm nhận “*Lãnh đạo sở, ban, ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN*” cũng giảm 2,5% so với năm 2021, đạt 78%. Hiện tượng cấp dưới chưa tuân thủ nghiêm túc chỉ đạo của cấp trên chưa cải thiện nhiều, tỷ lệ này đã tăng 0,9% so với năm 2021. Đối với tiêu chí “*Lãnh đạo sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN*”, trung vị của tiêu chí đã tăng nhẹ 0,6% lên 91,4%.

⁵ Điểm số được làm tròn ở số thập phân thứ hai, do đó một số đơn vị trên hình có cùng điểm số nhưng thứ hạng khác nhau là do điểm số khác nhau ở số thập phân thứ ba trở lên.

1.2. Kết quả tổng hợp DDCI cấp sở, ban, ngành Kon Tum theo các đơn vị

Bảng xếp hạng DDCI Kon Tum 2022 khối sở, ban, ngành được thực hiện với 12 sở, ban, ngành tương tự như năm 2021. Điểm trung vị của nhóm sở, ban, ngành năm 2022 là 64,76 điểm, giảm nhẹ 0,41 điểm, chỉ có 5/12 đơn vị trong nhóm sở, ban, ngành tăng điểm trong năm 2022. Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối đã được thu hẹp so với năm 2021.

Hình 15. Điểm tổng hợp DDCI nhóm sở, ban, ngành



Ba đơn vị có điểm tổng hợp DDCI cao trong nhóm sở, ban, ngành là BHXXH tỉnh, Sở KH&ĐT và Sở Công thương với điểm số lần lượt là 68,57 điểm, 68,27 điểm và 67,49 điểm. BHXXH tỉnh là đơn vị có điểm số DDCI cao nhất trong nhóm sở, ban, ngành, so với năm 2021 điểm số DDCI của đơn vị tăng 2,36 điểm.

Nhìn chung các CSTP của BHXXH tỉnh nhận được đánh giá khá tốt từ các DN, đặc biệt là các CSTP Vai trò người đứng đầu, Cạnh tranh bình đẳng và CSTP Hỗ trợ DN. Tại CSTP Vai trò người đứng đầu, DN đánh giá khá tốt đơn vị ở các tiêu chí “*Lãnh đạo sở, ban, ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN*” với 82,1% và tiêu chí “*Lãnh đạo sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN*” với 92,6%. Tại CSTP Cạnh tranh bình đẳng, tỷ lệ DN cảm nhận “*DN lớn được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác*” ít hơn so với các đơn vị khác, ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận “*Việc ưu ái*

cho các DN lớn gây khó khăn cho DN khác” cũng ở mức thấp trong nhóm. Kết quả khảo sát cũng cho thấy tiêu chí “*Tổ chức các chương trình hỗ trợ DN*” tốt hơn so với các đơn vị khác trong nhóm sở, ban, ngành.

Đơn vị có điểm số DDCI cao thứ hai trong nhóm sở, ban, ngành là Sở KH&ĐT với 68,27 điểm, tăng 0,98 điểm so với năm 2021. Trong 8 CSTP của đơn vị có 5 CSTP tăng điểm trong năm 2022, trong đó CSTP Tính minh bạch, Chi phí thời gian và Hỗ trợ DN của đơn vị được DN đánh giá tích cực. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN truy cập vào website của đơn vị khá cao trong nhóm với 95%, ngoài ra có 73,3% DN cảm nhận “*Nội dung thông tin được cung cấp rõ ràng*” tỷ lệ này cũng khá tốt trong nhóm sở, ban, ngành. Trong CSTP Chi phí thời gian, có 88,9% DN được hỏi cho biết “*DN chỉ phải đi lại 1 đến 2 lần để hoàn tất TTHC*” đây là tỷ lệ khá tốt trong nhóm sở, ban, ngành. Tại CSTP Hỗ trợ DN, tỷ lệ DN đánh giá các tiêu chí “*Tổ chức các chương trình hỗ trợ DN*” và “*Tổ chức các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN*” khá tốt trong nhóm sở, ban, ngành.

Sở Công thương là đơn vị có điểm số DDCI cao thứ ba trong nhóm sở, ban, ngành với 67,49 điểm, điểm số DDCI 2022 của đơn vị tăng 0,46 điểm so với năm trước và tăng 1 bậc về thứ hạng. Các CSTP Tính năng động, Tính minh bạch là các CSTP được DN đánh giá cao của đơn vị trong nhóm sở, ban, ngành. Trong CSTP Tính năng động, tỷ lệ DN cảm nhận “*Sở, ban, ngành nắm vững, am hiểu và linh hoạt trong khuôn khổ chính sách, quy định pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi cho các DN*” là 90,5%, bên cạnh đó cũng có 74,7% DN được hỏi cho biết “*Sở, ban, ngành kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN*”. Trong năm 2022, DN cảm nhận khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin tại đơn vị là dễ dàng, có 90,9% DN được hỏi đồng ý với nhận định này, đây cũng là tỷ lệ cao trong nhóm sở, ban, ngành. Bên cạnh đó, có 88,2% DN được hỏi cho biết đơn vị cung cấp thông tin kịp thời và 73,3% DN được hỏi cho biết “*Nội dung thông tin được cung cấp rõ ràng*”.

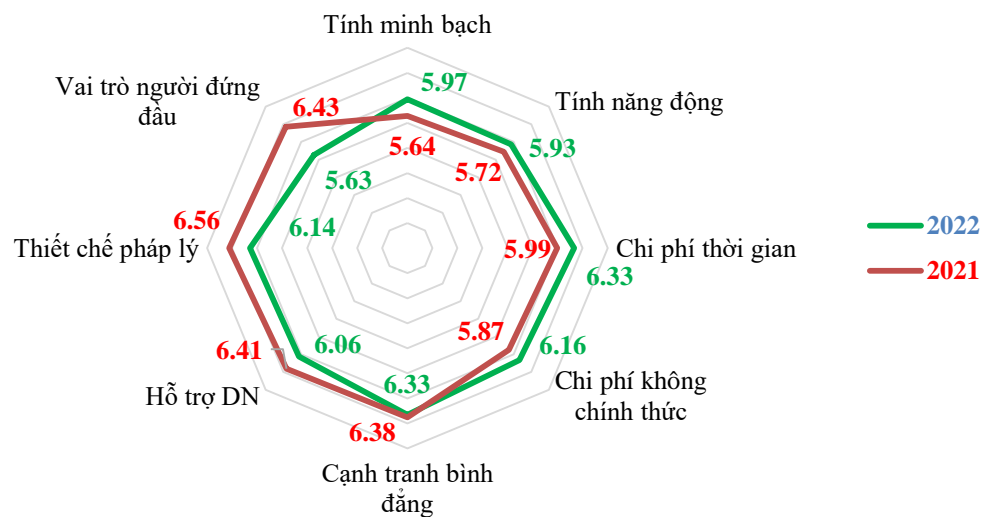
Các đơn vị chưa được DN đánh giá cao so với các đơn vị khác ở nhóm sở, ban, ngành là Sở LD-TB&XH, Sở GTVT và Sở TN&MT với điểm số lần lượt là 62,25 điểm, 61,09 điểm và 59,93 điểm. Một số CSTP còn nhiều dư địa để cải thiện của Sở TN&MT là

CSTP Vai trò người đứng đầu, Chi phí thời gian và CPKCT; đối với Sở GTVT các CSTP cần nhiều sự quan tâm cải thiện là Cuộc tranh bình đẳng, Hỗ trợ DN; với Sở LĐ-TB&XH là CSTP Tính năng động, Hỗ trợ DN. Bên cạnh những điểm cần cải thiện, các đơn vị ở trên cũng có những điểm nổi bật, theo kết quả đánh giá của DN về Sở TN&MT, tỷ lệ DN truy cập vào website là 92,1%, bên cạnh đó cũng có 82,3% DN được hỏi cho biết thông tin trên website là hữu ích; đối với Sở GTVT, tỷ lệ DN cho biết “Sở, ban, ngành tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC” ở mức khá tốt trong nhóm với tỷ lệ 92,1%, ngoài ra có 82,1% DN được hỏi cho biết “DN chỉ phải đi lại 1 đến 2 lần để hoàn tất TTHC”. Cảm nhận về Sở LĐ-TB&XH, có 93,3% DN được hỏi cho biết “Công tác thực thi VBPL nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định”, có 78,3% DN được hỏi cho biết “Luôn có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại”.

2. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện

2.1. Kết quả DDCI cấp huyện theo các CSTP

Hình 16. Trung vị của các CSTP cấp huyện⁶



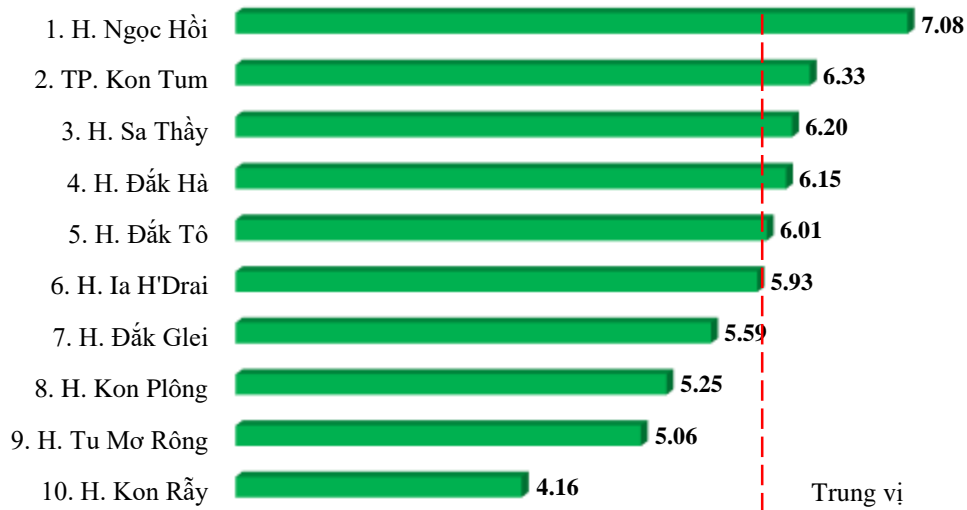
Điểm trung vị các CSTP nhóm cấp huyện nằm trong khoảng từ 5,63 điểm – 6,33 điểm, không có sự chênh lệch quá lớn giữa các CSTP ở nhóm cấp huyện. Bốn CSTP tăng điểm bao gồm Tính minh bạch (tăng 0,33 điểm), Tính năng động (tăng 0,21 điểm), Chi phí

⁶ Điểm số được làm tròn ở số thập phân thứ hai, do đó một số CSTP trên hình có cùng điểm số nhưng khác nhau ở số thập phân thứ ba trở lên.

thời gian (tăng 0,34 điểm) và CPKCT (tăng 0,29 điểm). CSTP có điểm trung vị cao nhất là Chi phí thời gian với 6,33 điểm; CSTP Vai trò người đứng đầu là chỉ số có điểm trung vị thấp nhất trong 8 CSTP với 5,63 điểm.

a. Tính minh bạch

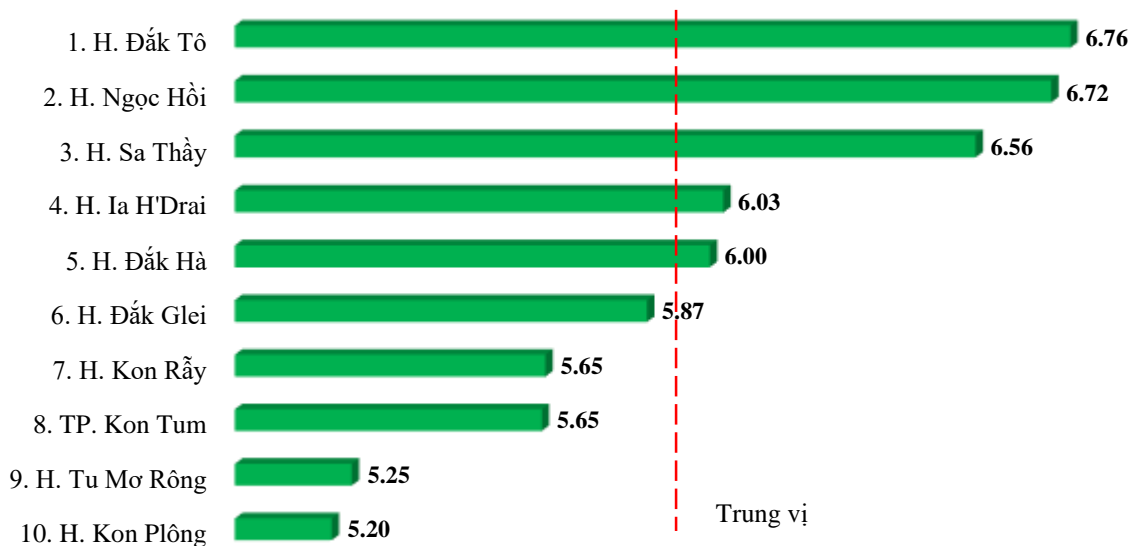
Hình 17. CSTP Tính minh bạch của cấp huyện



Tính minh bạch là CSTP có điểm số thấp thứ ba trong các CSTP được khảo sát với 5,97 điểm. CSTP Tính minh bạch ghi nhận xu hướng tăng điểm ở các đơn vị được đánh giá trong nhóm cấp huyện, với 8/10 địa phương tăng điểm, trong đó Ngọc Hồi có mức tăng nhiều nhất và đây là địa phương có điểm CSTP Tính minh bạch được đánh giá cao.

Trong 5 tiêu chí trong CSTP Tính minh bạch có 3 tiêu chí có điểm trung vị tăng so với năm trước. Tỷ lệ DN truy cập vào website của cấp huyện tăng 4% so với năm 2021 có trung vị là 90,2%. Tiêu chí “*Nội dung thông tin được cung cấp rõ ràng*” có trung vị 85,5%, tăng 14,4% so với năm trước. Bên cạnh những tiêu chí được cải thiện vẫn có các tiêu chí giảm trung vị cần quan tâm cải thiện như tỷ lệ DN đánh giá “*thông tin trên website cấp huyện là hữu ích*” có trung vị giảm nhẹ 1,6%, ngoài ra tiêu chí “*Đơn vị cung cấp thông tin kịp thời*” giảm nhẹ ở mức 0,3%.

b. Tính năng động

Hình 18. CSTP Tính năng động của cấp huyện⁷

CSTP Tính năng động có điểm trung vị là 5,93 điểm tăng 0,21 điểm so với năm 2021, mặc dù vậy đây là CSTP có điểm trung vị thấp thứ hai trong 8 CSTP nhóm cấp huyện. Trong 12 huyện, TP có 9 đơn vị có điểm CSTP Tính năng động tăng điểm trong năm 2022, trong đó huyện Đắk Tô có sự cải thiện đáng kể cả về mặt điểm số và thứ hạng.

Nhìn chung DN chưa đánh giá quá cao các tiêu chí trong CSTP Tính năng động, tiêu chí có trung vị đánh giá ở mức khá tốt là “*Cấp huyện nắm vững, am hiểu và linh hoạt trong khuôn khổ chính sách, quy định pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi cho các DN*” có trung vị là 85,9%, tuy nhiên tỷ lệ này đã giảm 3,2% so với năm 2021. Các tiêu chí đánh giá phản ứng chủ động của cấp huyện khi giải quyết những vấn đề mới phát sinh hay là những vấn đề ngoài phạm vi quyền hạn vẫn chưa cao với trung vị lần lượt là 54,2% và 52,1%, vẫn còn rất nhiều không gian để các địa phương cải thiện.

c. Chi phí thời gian

⁷ Điểm số được làm tròn ở số thập phân thứ hai, do đó một số đơn vị trên hình có cùng điểm số nhưng thứ hạng khác nhau là do điểm số khác nhau ở số thập phân thứ ba trở lên.

Hình 19. CSTP Chi phí thời gian của cấp huyện

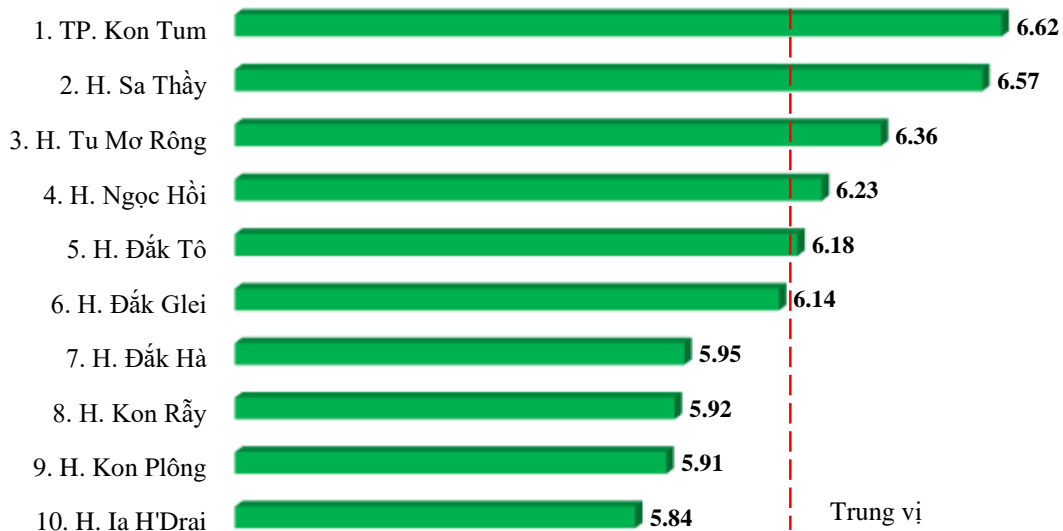
Chi phí thời gian là CSTP có điểm trung vị cao nhất trong 8 CSTP đánh giá cấp huyện. CSTP Chi phí thời gian có điểm trung vị tăng 0,34 điểm so với năm 2021. Không có quá nhiều sự cách biệt quá nhiều giữa các đơn vị trong CSTP Chi phí thời gian, điểm số các địa phương trong nhóm cấp huyện từ 5,27 điểm đến 6,76 điểm. Huyện Ngọc Hồi và huyện Đăk Tô là hai địa phương có điểm CSTP Chi phí thời gian với điểm số lần lượt là 6,76 điểm và 6,59 điểm.

Theo ghi nhận từ cộng đồng DN, “hiện tượng ùn đứn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị ùn đứn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn” đã giảm 7,2%, trung vị chỉ còn 18%. Tiêu chí “Cấp huyện tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC” có trung vị ở mức khá tốt với 88,2%, tỷ lệ DN cho biết “DN chỉ phải đi lại 1 đến 2 lần để hoàn tất TTHC” có trung vị và 83,6%. Công tác thanh tra, kiểm tra không có nhiều sự cải thiện, trung vị của tiêu chí “Số lần DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm qua” và “Nội dung thanh, kiểm tra trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành” lần lượt là 9,6% và 69%, không có sự cải thiện so với năm 2022. Đánh giá về ảnh hưởng của các cuộc thanh tra, kiểm tra đến hoạt động của DN, có trung vị 77,4% DN cho biết các cuộc thanh

tra, kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động của DN, tỷ lệ này chưa ở mức cao, các huyện, thành phố cần tiếp tục nỗ lực cải thiện công tác thanh tra, kiểm tra.

d. Chi phí không chính thức

Hình 20. CSTP CPKCT của cấp huyện



Điểm trung vị CSTP CPKCT đạt 6,16 điểm, tăng 0,29 điểm so với năm 2021. Có 8/10 huyện thị tăng điểm trong năm 2022. TP Kon Tum và huyện Sa Thầy là hai địa phương có điểm CSTP CPKCT cao trong nhóm cấp huyện với số điểm lần lượt là 6,62 điểm và 6,57 điểm.

Theo kết quả khảo sát, có trung vị 13,3% DN được hỏi cho biết “*Hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các cấp huyện*”, tỷ lệ này đã giảm 3,7% so với năm trước. Bên cạnh việc giảm hiện tượng những nhiều thì tỷ lệ DN có trả CPKCT cũng giảm 6,4% so với năm trước, trung vị của tiêu chí này là 13,9%. Tỷ lệ DN cho rằng “*CPKCT được giảm bớt*” cũng đã gia tăng với trung vị 29,9%, tăng 1,4%. Tại tiêu chí “*Công việc đạt kết quả hơn nếu chi trả CPKCT*” có trung vị là 30,2%, tăng 5,6% so với năm trước.

e. Cạnh tranh bình đẳng

Cạnh tranh bình đẳng là CSTP có điểm trung vị đạt 6,33 điểm, đây là CSTP có điểm trung vị cao thứ hai trong 8 CSTP, tuy nhiên CSTP này giảm 0,05 điểm. CSTP Cạnh tranh bình đẳng ghi nhận xu hướng giảm điểm của 5 huyện thị. Huyện Sa Thầy là đơn vị có điểm CSTP Cạnh tranh bình đẳng cao nhất với 7,08 điểm.

Hình 21. CSTP Cạnh tranh bình đẳng của cấp huyện



Theo kết quả khảo sát DN vẫn cảm nhận có sự ưu ái cho các DN sản xuất, DN thân hữu, DN lớn tại các huyện thị, tỷ lệ DN cảm nhận “*DN sản xuất, DN thân hữu được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác*” có trung vị là 41,2%, đối với tiêu chí “*DN lớn được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác*” có trung vị 34,7%. DN đánh giá việc ưu ái gây khó khăn cho các DN khác có xu hướng giảm, tỷ lệ DN cảm nhận “*Việc ưu ái cho các DN sản xuất, DN thân hữu gây khó khăn cho DN khác*” có trung vị 35,9%, bên cạnh đó tiêu chí “*Việc ưu ái cho các DN lớn gây khó khăn cho DN khác*” có trung vị là 27,1%.

f. Hỗ trợ DN

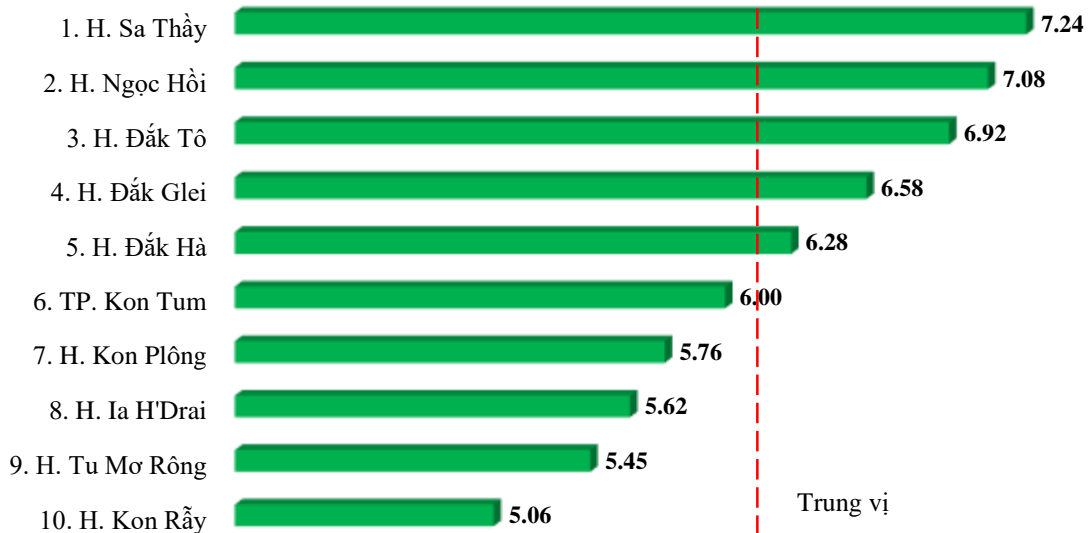
Chỉ số Hỗ trợ DN năm 2022 ghi nhận địa phương dẫn đầu là huyện Sa Thầy với điểm số 7,26 điểm. Điểm số trung vị chỉ số Hỗ trợ DN năm 2022 ở mức 6,06 điểm, giảm 0,35 điểm so với mức điểm 6,41 điểm của năm 2021.

Hình 22. CSTP Hỗ trợ DN của cấp huyện

Theo kết quả khảo sát, tiêu chí “*Tổ chức các chương trình hỗ trợ DN*” có trung vị là 47,9%, thấp hơn so với trung vị nhóm sở, ban, ngành. Cảm nhận về tính thiết thực của các chương trình hỗ trợ DN, tỷ lệ DN đánh giá các chương trình hỗ trợ thiết thực có trung vị là 80,8%, tăng 3,4% so với năm 2021. Đánh giá về các chương trình đối thoại DN, tiêu chí “*Tổ chức các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN*” có trung vị 92,9%. Cảm nhận của DN về tiêu chí “*vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ kịp thời tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin*”, trung vị của tiêu chí này có sự cải thiện so với năm 2021. Mức độ quan tâm của cấp huyện đến các DN nhỏ và vừa đã có sự cải thiện, trung vị ở tiêu chí này tăng 17,3% đạt mức trung vị 38%.

g. Thiết chế pháp lý

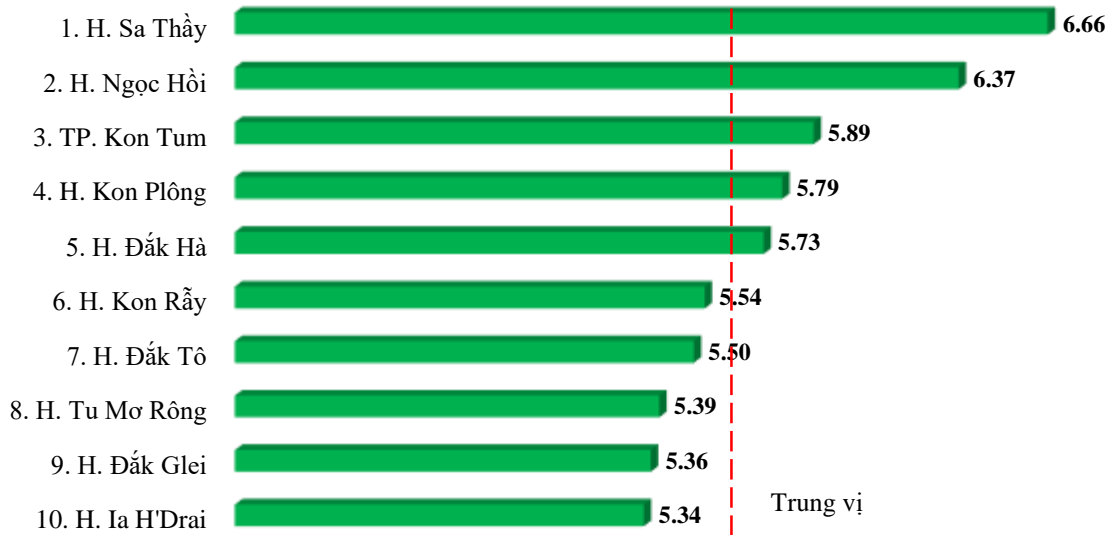
Trong CSTP Thiết chế pháp lý, huyện Sa Thầy là địa phương dẫn đầu với điểm số 7,24 điểm. Điểm số của CSTP Thiết chế pháp lý có xu hướng giảm điểm so với năm 2021, điểm trung vị năm 2022 của CSTP Thiết chế pháp lý là 6,14 điểm, giảm 0,42 điểm so với năm 2021.

Hình 23. CSTP Thiết chế pháp lý của cấp huyện

Cảm nhận công tác ban hành và thực thi VBPL, tỷ lệ DN cho rằng “*Các VBPL đã ban hành được DN đánh giá tốt và có tính thực thi cao*” là 70,8%, tiêu chí “*Công tác truyền thông và phổ biến VBPL được thực hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ*” có trung vị là 78,8%. Tỷ lệ DN đánh giá “*Công tác thực thi VBPL nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định*” có trung vị 82%, giảm so với năm 2021 với mức giảm 6,4%. Đánh giá về công tác xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại nhìn chung có xu hướng cải thiện tỷ lệ “*Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng*” và “*Có hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi sai trái*” đều có trung vị tăng so với năm 2021. Tỷ lệ DN cảm nhận “*Luôn có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại*” có trung vị tăng 10,9% so với năm trước.

h. Vai trò người đứng đầu

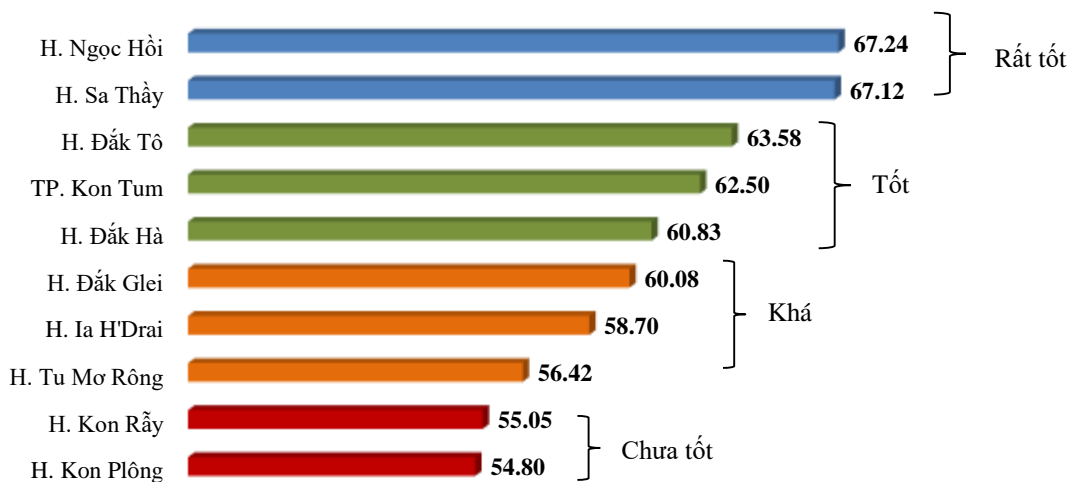
Điểm số trung vị của chỉ số Vai trò người đứng đầu năm 2022 ở mức 5,63 điểm, giảm 0,8 điểm so với năm 2021. Điểm số của các địa phương ghi nhận xu hướng giảm của 8/10 huyện thị. Các địa phương có mức độ cải thiện điểm số trong CSTP Vai trò người đứng đầu là huyện Đăk Tô (tăng 0,03 điểm), TP Kon Tum (tăng 0,03 điểm).

Hình 24. CSTP Vai trò người đứng đầu của cấp huyện

Theo kết quả khảo sát, có trung vị 89,3% DN cảm nhận “*Lãnh đạo cấp huyện lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN*”, tỷ lệ này giảm 0,4% so với năm 2021. Ngoài ra, theo cảm nhận của DN hiện tượng cấp dưới chưa thực hiện nghiêm các chỉ đạo của cấp trên có chiều hướng gia tăng khi trung vị của tiêu chí “*Có hiện tượng “Cấp trên bảo cấp dưới không nghe” diễn ra trong đơn vị*” tăng 5,5%. Bên cạnh đó, có một số tiêu chí có xu hướng cải thiện như “*Lãnh đạo cấp huyện có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN*” tăng 2,9%, đạt trung vị 87,8%.

2.2. Kết quả tổng hợp DDCI cấp huyện theo các đơn vị

Khảo sát DDCI Kon Tum 2022 nhóm địa phương được thực hiện với 10 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Điểm trung vị của nhóm cấp huyện năm 2022 tăng nhẹ từ trung vị 60 điểm của năm 2021 lên mức 60,46 điểm, các DN cảm nhận tốt hơn về năng lực điều hành kinh tế của nhóm cấp huyện so với năm 2021. Trong 10 địa phương có 6 địa phương tăng điểm trong năm 2022. Khoảng cách giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối đã được thu hẹp so với năm trước. Ba đơn vị có điểm tổng hợp DDCI cao trong nhóm cấp huyện là huyện Ngọc Hồi, huyện Sa Thầy và huyện Đăk Tô với điểm số lần lượt là 67,24 điểm, 67,12 điểm và 63,58 điểm.

Hình 25. Điểm tổng hợp DDCI cấp huyện

Huyện Ngọc Hồi là đơn vị có điểm số DDCI cao nhất trong nhóm cấp huyện, điểm số DDCI của huyện tăng 4,03 điểm lên mức 67,24 điểm. Trong 8 CSTP thì huyện có đến 6 CSTP tăng điểm so với năm 2021. CSTP Tính minh bạch, Chi phí thời gian là các CSTP nổi bật của huyện Ngọc Hồi. Tại CSTP Tính minh bạch, có 92,2% DN được cho biết truy cập vào website của huyện, ngoài ra có 81,8% DN đánh giá thông tin trên website của huyện là hữu ích. Về thời gian giải quyết TTHC và các công việc có liên quan của huyện nhìn chung được đánh giá khá tốt trong các đơn vị cấp huyện, có 92,5% DN được hỏi cho biết “*Cấp huyện tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC*”, ngoài ra tỷ lệ “*DN chỉ phải đi lại 1 đến 2 lần để hoàn tất TTHC*” là 83,9%.

Với điểm số 67,12 điểm, huyện Sa Thầy là địa phương có điểm số DDCI cao thứ hai trong nhóm cấp huyện. Các CSTP của huyện nhận được nhiều đánh giá tích cực từ cộng đồng DN như CSTP Vai trò người đứng đầu, Cạnh tranh bình đẳng và CSTP Thiết chế pháp lý. Cảm nhận của DN về “*Lãnh đạo cấp huyện có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN*” đã có sự cải thiện, tỷ lệ trung vị tăng 7,8% so với năm 2021 đạt tỷ lệ 94,7%. Theo kết quả khảo sát, có 33,3% DN cảm nhận “*DN thân sau, DN thân hữu được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác*”; ngoài ra có 23,7% DN cảm nhận “*Việc ưu ái cho các DN lớn gây khó khăn cho DN khác*” đây là những tỉ lệ thấp hơn so với đa số các đơn vị trong cấp huyện. Trong CSTP Thiết chế pháp lý, có 91,9% DN được hỏi cho rằng “*Công tác thực thi VBPL nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định*”, bên cạnh đó cũng có

84,2% DN được hỏi cho biết “*Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng*”.

Huyện thị có điểm số DDCI cao thứ ba trong nhóm cấp huyện là huyện Đắk Tô với 63,58 điểm, tăng 3 bậc so với năm 2021. Có 6/8 CSTP của đơn vị tăng điểm trong năm 2022, trong đó CSTP Tính năng động có mức tăng điểm nhiều nhất và đây cũng là CSTP của huyện được DN đánh giá khá tốt. Theo kết quả khảo sát, có 62,5% DN được hỏi cho biết “*Cấp huyện phản ứng chủ động trong giải quyết những vấn đề mới phát sinh*” và 58,3% DN cho rằng “*Cấp huyện phản ứng chủ động trong giải quyết bất cập, vướng mắc của DN ngoài phạm vi, quyền hạn của đơn vị*”, đây là những kết quả khá cao trong nhóm cấp huyện. Ngoài ra có 76,6% DN cảm nhận “*Cấp huyện kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN*”. Bên cạnh CSTP Tính năng động, CSTP Chi phí thời gian cũng là điểm nổi bật của huyện, có 85,1% DN được hỏi cho rằng “*DN chỉ phải đi lại 1 đến 2 lần để hoàn tất TTHC*”, tỷ lệ DN cảm nhận có hiện tượng đùn đẩy công việc tại huyện cũng khá thấp trong nhóm chỉ với 17%.

Các huyện thị cần nhiều sự cải thiện trong nhóm cấp huyện là huyện Kon Plông, huyện Kon Rẫy và huyện Tu Mơ Rông, đây là các huyện chưa được DN đánh giá cao so với các đơn vị khác ở nhóm cấp huyện với điểm số lần lượt là 54,8 điểm, 55,05 điểm và 56,42 điểm. Nhìn chung ba đơn vị cần có sự cải thiện ở tất cả các CSTP trong đó một số CSTP cần nhiều lưu tâm cải thiện như: đối với huyện Kon Plông là CSTP Tính năng động, Chi phí thời gian, Hỗ trợ DN; đối với huyện Kon Rẫy các CSTP cần nhiều sự quan tâm cải thiện là Tính minh bạch, Thiết chế pháp lý; với huyện Tu Mơ Rông là CSTP Cạnh tranh bình đẳng, Tính năng động, Thiết chế pháp lý. Mặc dù chưa nhận được nhiều sự đánh giá cao từ cộng đồng DN, các huyện Kon Plông, huyện Kon Rẫy và huyện Tu Mơ Rông vẫn có những tiêu chí là điểm mạnh, được DN đánh giá tốt. Trong CSTP CPKCT của huyện Tu Mơ Rông, tỷ lệ DN cảm nhận “*hiện tượng những nhiễu là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan*” là thấp trong nhóm cấp huyện với tỷ lệ chỉ 10,4%. Đối với huyện Kon Rẫy, tỷ lệ DN cảm nhận “*Việc ưu ái cho các DN lớn gây khó khăn cho DN khác*” cũng là khá thấp trong nhóm với 20,9%. Với huyện Kon Plông, các tiêu chí “*Các VBPL đã ban hành được DN đánh giá tốt và có tính thực thi cao*” và “*Công tác truyền thông và phổ biến VBPL được thực hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ*” được đánh giá khá tốt trong nhóm với tỷ lệ lần lượt là 78,7% và 89,1%.

Chương



KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ

CHƯƠNG III – KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ

I. Kết luận

Khảo sát DDCI Kon Tum 2022 đã được cộng đồng DN của tỉnh tích cực tham gia, với 614 DN, HKD, HTX tham gia trả lời khảo sát, thể hiện sự tin tưởng bộ chỉ số DDCI sẽ cung cấp thông tin khách quan, trung thực phản ánh bức tranh về năng lực điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và địa phương của tỉnh, qua đó sẽ thể hiện được tiếng nói của cộng đồng DN cũng như là đóng góp của cộng đồng DN trong việc cải thiện MTKD và đầu tư của tỉnh.

Xét về tổng thể, các DN của tỉnh nhìn chung có những đánh giá khá tích cực về năng lực điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và cấp huyện trong năm 2022. Sự đánh giá tích cực từ cộng đồng DN vừa là sự động viên các sở, ban, ngành và cấp huyện về những nỗ lực cải thiện MTKD trong năm qua, đó cũng là một áp lực cho các đơn vị sẽ phải tiếp tục nỗ lực để duy trì xu hướng cải thiện trong những năm tiếp theo.

Trong quá trình xây dựng báo cáo, nhóm nghiên cứu ghi nhận một số điểm đáng chú ý về chất lượng điều hành kinh tế của hai nhóm sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Kon Tum trong năm 2022 qua lăng kính các CSTP của DDCI. Các điểm đáng chú ý bao gồm:

- CSTP Tính minh bạch, Hỗ trợ DN và Cạnh tranh bình đẳng là các CSTP có điểm trung vị cao ở nhóm sở, ban, ngành. Các CSTP Chi phí thời gian, Cạnh tranh bình đẳng và CPKCT là các CSTP có điểm trung vị cao ở cấp huyện. Ở chiều ngược lại các CSTP CPKCT, Chi phí thời gian và Tính năng động là các CSTP có điểm trung vị thấp ở nhóm sở ban ngành, đối với cấp huyện các CSTP có điểm trung vị thấp là Vai trò người đứng đầu, Tính năng động và Tính minh bạch.

- Chất lượng các chương trình hỗ trợ DN do các đơn vị tại tỉnh tổ chức đã có sự cải thiện trong năm qua. Tỷ lệ DN cảm nhận “Các chương trình hỗ trợ DN do sở, ban, ngành tổ chức đều thiết thực” có trung vị tăng 9% ở nhóm sở, ban, ngành và tăng 3,4% ở cấp huyện.

- Công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại đã có sự cải thiện tích cực, trung vị tiêu chí “*Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng*” tăng

3,6% ở nhóm sở, ban, ngành và 7,4% ở cấp huyện. Bên cạnh đó hai tiêu chí “*Có hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi sai trái*” và “*Có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại*” đều có điểm trung vị tăng ở hai nhóm.

- Tỷ lệ DN có trả CPKCT đều có xu hướng giảm ở hai nhóm, trong đó cấp huyện có mức giảm cao hơn (6,4% so với 0,8% ở nhóm sở, ban, ngành), tuy nhiên trung vị ở cả hai nhóm đều trên 10% nên cần phải có sự quan tâm nhiều hơn nữa trong công tác cắt giảm CPKCT.

- Mặc dù cảm nhận có sự ưu ái dành cho các DN sản xuất, DN thân hữu, DN lớn có xu hướng giảm tuy nhiên tỷ lệ DN cho biết sự ưu ái dành cho các DN sản xuất, DN thân hữu, DN lớn gây khó khăn cho các DN khác vẫn ở mức khá cao ở cả hai nhóm.

- Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ DN truy cập website của sở, ban, ngành và cấp huyện đang xu hướng gia tăng. Tuy nhiên tỷ lệ DN cho biết “*thông tin trên website là hữu ích*” chưa có sự cải thiện ở cả hai nhóm.

- Chưa có nhiều sự đánh giá tích cực về các đơn vị phản ứng chủ động trong giải quyết những vấn đề mới phát sinh hay những vướng mắc ngoài quyền hạn, trung vị các tiêu chí này ở hai nhóm chỉ ở mức từ 52,1% đến 57,4%.

- Tại CSTP Chi phí thời gian, tỷ lệ DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên tăng so với năm trước, 0,5% ở nhóm sở, ban, ngành và 1,1% ở cấp huyện. Bên cạnh đó tiêu chí “*Nội dung thanh, kiểm tra trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành*” có trung vị chưa cao (65,8% ở nhóm sở, ban, ngành và 69% ở cấp huyện) cần có thêm những nỗ lực cải thiện.

II. Các giải pháp, kiến nghị nhằm cải thiện MTKD tại tỉnh

1. Nâng cao tính năng động, dám nghĩ, dám làm trong đánh giá cán bộ

Theo kết quả khảo sát DDCI Kon Tum 2022, Tính năng động có điểm trung vị không cao ở cả hai nhóm, ngoài ra thì chỉ số Vai trò người đứng đầu cũng không nhận được nhiều sự đánh giá cao từ DN khi có trung vị thấp nhất ở cấp huyện và 5/8 tại nhóm sở, ban, ngành. Để có thể cải thiện hai chỉ số này, một trong những yếu tố cần quan tâm là công tác cán bộ, chọn lựa và đề bạt vào vị trí lãnh đạo cần chú trọng cân nhắc, xem xét về việc cá

nhân đó có đầy đủ các kiến thức chuyên môn, nắm vững pháp luật liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách. Nếu có được những yêu cầu trên thì lãnh đạo các đơn vị tự tin, quyết đoán khi phải ra quyết định; có sự bản lĩnh- dám làm/quyết, dám chịu trách nhiệm để hoàn thành các công việc một cách tốt nhất.

Bên cạnh việc nâng cao tính năng năng động của cấp lãnh đạo, thì các lãnh đạo cũng phải lan tỏa, hướng dẫn cấp dưới của mình chủ động trong tham mưu, đề xuất ý kiến tìm ra cái mới, cách giải quyết để giúp lãnh đạo ra quyết định. Để thúc đẩy sự năng động ở mỗi cán bộ, phải thay đổi cách thức đánh giá cán bộ. Thay vì khen thưởng đê bạt những cán bộ ít sai phạm do không năng động, sợ trách nhiệm nên khen thưởng những cán bộ linh hoạt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm (dù có thể họ có một số quyết định chưa đúng). Phải quy trách nhiệm đối với những cán bộ vì sợ trách nhiệm nên không giải quyết hoặc giải quyết chậm trễ công việc thuộc thẩm quyền. Bên cạnh đó cần quy định rõ những trường hợp nào phải xin ý kiến, không xin ý kiến, để khắc phục tình trạng cấp dưới sợ trách nhiệm nên luôn xin ý kiến cấp trên, lãnh đạo các cấp phải tự quyết và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn của mình. Sợ trách nhiệm nên không dám quyết là sai nhưng vì sợ trách nhiệm nên phải quyết, quyết đúng và kịp thời là rất tốt.

2. Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của DN.

Tính minh bạch là một trong những CSTP còn nhiều dư địa để cải thiện, trong đó khả năng tiếp cận tài liệu thông tin của các đơn vị ở cả sở, ban, ngành và địa phương là một trong những điểm cần quan tâm cải thiện. Các đơn vị cần xác định rõ nhiệm vụ đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của DN là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Lấy DN là mục tiêu, là thước đo hiệu quả hoạt động của mình. Ngoài ra cần chú trọng đến năng lực thực thi công vụ và chất lượng hoạt động của các đơn vị. Bởi vì, DN chỉ dễ dàng tiếp cận thông tin khi các cơ quan nhà nước hoạt động hiệu quả, hiệu lực, lấy người dân, DN là mục tiêu để phục vụ, khi đó các thông tin sẽ được minh bạch, công khai, cung cấp nhanh chóng và đầy đủ. Các đơn vị cần đảm bảo mọi DN có thể dễ dàng, thuận lợi nhất trong việc tiếp cận thông tin thông qua việc tóm tắt, tóm lược các nội dung quan trọng. Nghiên cứu chu trình hóa, sơ đồ hóa các bước để DN có thể hiểu và dễ thực thi.

Trong xu thế phát triển của công nghệ thông tin hiện nay, các đơn vị nên chủ động đề xuất, thực hiện các giải pháp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp nhanh gọn, đầy đủ, chính xác thông tin mà công dân yêu cầu trên các cổng/trang thông tin điện tử. Các thông tin, tài liệu, cơ sở dữ liệu do các đơn vị có thể cung cấp cho DN cần được đăng tải một cách khoa học và có hệ thống để DN có thể tiếp cận sử dụng một cách nhanh gọn và thuận tiện.

3. Tiếp tục thực hiện các nỗ lực cải giảm CPKCT

Kết quả khảo sát DDCI Kon Tum 2022 cho thấy CPKCT vẫn là điểm cần tiếp tục cải thiện ở nhóm sở, ban, ngành. Các giải pháp cần tập trung thực hiện là (1) Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT để giám sát việc thực hiện TTHC, (2) Thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên, (3) Gắn chặt trách nhiệm kiểm soát tham nhũng với công tác đánh giá cán bộ. Các đơn vị phải xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ; ngoài việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ vi phạm còn phải xem xét, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị. Bên cạnh đó cần thường xuyên rà soát để đơn giản hóa TTHC, không quy định thêm và kiên quyết loại bỏ những quy trình, khâu trung gian, giấy tờ không cần thiết; khắc phục tình trạng khép kín, thiếu công khai, minh bạch để phát sinh tiêu cực trong giải quyết các TTHC với DN và người dân.

4. Thực hiện tốt các nghị quyết và chính sách về cải cách TTHC và cải thiện MTKD.

Trong khảo sát DDCI Kon Tum 2022, CSTP Chi phí thời gian cấp sở, ban, ngành ghi nhận sự giảm điểm trung vị. Bên cạnh chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, một trong những yếu tố để cải thiện CSTP Chi phí thời gian là cải cách TTHC, rút ngắn thời gian thực hiện TTHC.

Hiện nay Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến cải cách TTHC và cải thiện MTKD như Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện MTKD, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; Nghị quyết 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp ... tiếp tục thực hiện tốt những nghị quyết, chính sách đã được chính phủ ban hành.

Các cơ quan của tỉnh cần tiếp tục nghiên cứu rút ngắn thời gian thực hiện các TTHC của DN, tiếp tục đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến để nâng cao tính minh bạch, hiệu năng, hiệu quả trong thực hiện TTHC, giảm chi phí không chính thức, chống tham nhũng vặt, tạo niềm tin cho nhà đầu tư, DN về nền hành chính minh bạch, thân thiện, hiện đại và phù hợp với bối cảnh phòng tránh lây nhiễm dịch bệnh. Đối với các sở, ban, ngành và các địa phương việc cắt giảm số bước thủ tục sẽ gặp khó khăn vì vướng các quy định. Các đơn vị nên tập trung thực hiện các biện pháp sau:

- Giảm thời gian làm mỗi bước thủ tục;
- Xem xét tăng cường liên thông, trao đổi thông tin qua mạng điện tử giữa các cơ quan quản lý nhà nước làm giảm số lượng đầu mối cơ quan tiếp nhận và trả kết quả. Tỉnh có thể xem xét liên thông, trao đổi thông tin qua mạng điện tử để rút ngắn thời gian cho DN ở các lĩnh vực như: Đăng ký kinh doanh - điều kiện kinh doanh (DN kinh doanh ở những ngành nghề có điều kiện); Xây dựng - Chữa cháy; Khen thưởng DN (Ban thi đua - Thuế - Môi trường - Lao động).
- Cho phép làm nhiều bước thủ tục một cách đồng thời, cơ quan này gửi kết quả cho cơ quan kia chứ không yêu cầu DN phải nhận giấy tờ ở nơi này để nộp cho nơi khác.

Tăng cường thực hiện chuyển giao các thủ tục hành chính sang giải quyết bằng hành chính công trực tuyến, bên cạnh đó bảo đảm giải quyết đúng thời hạn và trước thời hạn các thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến. Nâng tỷ lệ các thủ tục hành chính công trực tuyến ở mức độ 3 và mức độ 4 căn cứ theo Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 7 tháng 3 năm 2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

5. Chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại tỉnh.

Hàng năm tỉnh đều xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch cải thiện MTKD, hỗ trợ DN và giao nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan, từ cấp tỉnh, cấp sở, ban, ngành đến cấp huyện thị. Tuy nhiên việc các đơn vị thực hiện các kế hoạch đó như thế nào, kết quả ra sao... chủ yếu đến từ các báo cáo của các đơn vị. Để có thể biến các kế hoạch trở thành

các hoạt động thực tế hiệu quả, việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các đơn vị của tỉnh là cần thiết.

Đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng cường hỗ trợ DN có thể tập trung vào các nội dung: công tác xây dựng các chương trình/kế hoạch cụ thể tại đơn vị và kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại kế hoạch cụ thể đó; kết quả thực hiện các chỉ số, chỉ tiêu được giao tại kế hoạch của tỉnh. Ngoài ra có thể mở rộng việc kiểm tra về việc triển khai và kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh; việc giải quyết khó khăn, vướng mắc cho DN, nhà đầu tư thuộc ngành, địa phương mình quản lý; những giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ thực thi nhiệm vụ, xây dựng nền hành chính công vụ hướng đến sự hài lòng của người dân và DN. Công tác kiểm tra giám sát này sẽ góp phần tạo động lực để cho các đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch mà UBND tỉnh đã đề ra, góp phần định hướng giúp các đơn vị biết các nội dung cụ thể để triển khai. Tránh tình trạng có kế hoạch hành động nhưng không được thực thi hoặc thực thi không tốt ở các đơn vị.

6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ xúc tiến đầu tư

Với những điều kiện tự nhiên có được, Kon Tum là tỉnh có nhiều tiềm năng để phát triển các ngành kinh tế nông - lâm nghiệp, sản xuất hàng hóa với giá trị gia tăng lớn như: cà phê, cao su, mắc ca, mía đường, rau, hoa xứ lạnh; các loại cây dược liệu như: sâm Ngọc Linh, hồng đẳng sâm. Bên cạnh đó tròng rừng gắn với phát triển kinh tế lâm nghiệp, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa độc đáo với nhiều điểm đến hấp dẫn bởi cảnh quan thiên nhiên đa dạng còn nguyên vẻ đẹp hoang sơ như: Vườn quốc gia Chư Mom Ray, Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, Rừng đặc dụng Đăk Uy,... Việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái Măng Đen và quy hoạch chung đô thị huyện Kon Plông đến năm 2030 đã tạo “cú hích” quan trọng; hướng tới trong tương lai không xa, khu du lịch sinh thái Măng Đen sẽ là điểm nhấn của con đường xanh Tây Nguyên. Chính sách và tiềm năng đang rất thuận lợi để thu hút đầu tư tại tỉnh. Một mô hình khá hay mà tỉnh có thể tham khảo để áp dụng vào công tác hỗ trợ, thu hút đầu tư tại tỉnh là Tổ công tác Hỗ trợ dự án đầu tư của tỉnh Quảng Ninh (Quảng Ninh Investor Care).

Năm 2021, tỉnh Quảng Ninh thành lập Tổ công tác Hỗ trợ dự án đầu tư tỉnh Quảng Ninh để góp phần cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính. Tổ Công tác có nhiệm vụ chủ động nắm bắt thông tin, tổng hợp tình hình triển khai các dự án ngoài ngân sách, tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai các dự án; kịp thời chỉ đạo đơn vị trực thuộc hỗ trợ, giải quyết những kiến nghị, khó khăn vướng mắc của các nhà đầu tư, hoặc đề xuất kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết đảm bảo tiến độ, hiệu quả và giảm thiểu các thủ tục hành chính. Điểm đặc biệt của Tổ công tác là bên cạnh việc theo dõi khó khăn, vướng mắc của các dự án qua các số liệu báo cáo, Tổ công tác thể hiện sự đồng hành cùng nhà đầu tư, đến thực địa tại dự án và làm việc trực tiếp với Nhà đầu tư để xử lý dứt điểm tại chỗ, xác định rõ nội dung cần tháo gỡ khó khăn vướng mắc và tiến độ, có cam kết bằng biên bản giữa các đơn vị có liên quan của tỉnh và nhà đầu tư, gắn với trách nhiệm cụ thể của các bên liên quan.

Định kỳ hàng tháng, Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư – cơ quan thường trực của Tổ - chủ trì làm việc, theo dõi và tổng hợp công tác hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư và báo cáo UBND tỉnh về kết quả giải quyết khó khăn, vướng mắc trên địa bàn tỉnh. Sau gần 6 tháng kể từ khi thành lập, hoạt động của Quảng Ninh Investor Care đã cho thấy hiệu quả bước đầu với sự vào cuộc tích cực của các sở, ban, ngành và địa phương trong phối hợp hỗ trợ các thủ tục liên quan đến việc triển khai các dự án đầu tư ngoài ngân sách.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Kết quả đánh giá DDCI Kon Tum nhóm sở, ban, ngành

1. Kết quả chung

Sở, ban, ngành	Điểm số DDCI	CSTP 1: Tính Minh bạch	CSTP 2: Tính năng động	CSTP 3: Chi phí thời gian	CSTP 4: Chi phí không chính thức	CSTP 5: Cạnh tranh bình đẳng	CSTP 6: Hỗ trợ doanh nghiệp	CSTP 7: Thiết chế pháp lý	CSTP 8: Vai trò người đứng đầu
BHXH tỉnh	68,57	7,00	6,81	6,38	5,99	7,05	7,23	7,15	7,42
Sở KH&ĐT	68,27	7,81	6,83	6,50	6,13	7,00	6,93	6,47	7,15
Sở Công thương	67,49	7,30	7,20	6,15	6,18	6,98	6,64	7,02	6,49
Sở TT&TT	66,30	6,94	6,98	6,90	6,02	7,05	6,42	6,35	6,43
BQL KKT	66,15	7,16	6,46	6,38	5,86	6,90	6,90	7,27	6,56
Cục thuế tỉnh	66,13	7,26	6,45	6,39	5,87	6,98	6,67	7,08	6,69
Thanh tra tỉnh	63,39	6,88	6,04	6,03	5,92	6,28	6,48	6,84	6,62
Sở NN&PTNT	62,94	6,56	6,08	6,15	5,95	6,27	6,84	6,59	6,30
Sở XD	62,50	6,75	6,10	6,13	5,86	6,18	6,58	6,39	6,31
Sở LĐ-TB&XH	62,25	6,81	5,96	6,04	5,90	6,09	6,40	6,50	6,43
Sở GTVT	61,09	6,65	6,09	5,99	5,86	5,66	6,38	6,15	6,21
Sở TN&MT	59,93	6,79	5,97	5,63	5,38	5,84	6,60	6,20	5,90
Cao nhất	68,57	7,81	7,20	6,90	6,18	7,05	7,23	7,27	7,42
Trung vị	64,76	6,91	6,28	6,15	5,91	6,59	6,62	6,54	6,46
Thấp nhất	59,93	6,56	5,96	5,63	5,38	5,66	6,38	6,15	5,90

2. Chi tiết các CSTP

2.1. Tính minh bạch

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) dễ dàng (%)	Tỷ lệ DN truy cập vào website của các sở, ban, ngành (%)	Thông tin trên website các sở, ban, ngành là hữu ích (%)	Đơn vị cung cấp thông tin kịp thời (%)	Nội dung thông tin được cung cấp rõ ràng (%)
1	Sở KH&ĐT	7,81	87,9%	95,0%	80,4%	86,4%	73,3%
2	Sở TN&MT	6,79	83,2%	92,1%	82,3%	86,6%	73,0%
3	Sở XD	6,75	86,0%	89,5%	84,0%	87,0%	69,6%
4	Sở Công thương	7,30	90,9%	88,5%	79,2%	88,2%	73,3%
5	Sở LĐ-TB&XH	6,81	86,0%	90,6%	80,0%	89,6%	66,7%
6	Sở NN&PTNT	6,56	84,3%	88,6%	82,9%	88,1%	72,1%
7	Sở TT&TT	6,94	89,5%	91,9%	81,1%	86,1%	63,9%
8	Sở GTVT	6,65	85,4%	90,0%	82,1%	87,2%	70,3%
9	BQL KKT	7,16	87,8%	91,8%	81,6%	87,2%	68,1%
10	Cục thuế tỉnh	7,26	88,4%	90,2%	81,7%	88,0%	70,8%
11	BHXH tỉnh	7,00	83,1%	93,9%	81,3%	86,6%	73,1%
12	Thanh tra tỉnh	6,88	89,5%	92,1%	81,1%	80,0%	77,8%

2.2. Tính năng động

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Sở, ban, ngành nắm vững, am hiểu chính sách, quy định của pháp luật (%)	Sở, ban, ngành phản ứng chủ động trong giải quyết những vấn đề mới phát sinh (%)	Sở, ban, ngành kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN (%)	Sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, trao đổi xử lý những bất cập, vướng mắc của DN ngoài phạm vi, quyền hạn (%)
1	Sở KH&ĐT	6,83	93,2%	52,3%	70,0%	56,7%
2	Sở TN&MT	5,97	91,2%	55,9%	65,2%	56,6%
3	Sở XD	6,10	85,3%	54,3%	75,0%	54,8%
4	Sở Công thương	7,20	90,5%	52,8%	74,7%	57,3%
5	Sở LĐ-TB&XH	5,96	89,4%	47,8%	70,8%	57,8%
6	Sở NN&PTNT	6,08	87,0%	56,7%	69,1%	58,2%
7	Sở TT&TT	6,98	91,9%	55,6%	73,5%	52,8%
8	Sở GTVT	6,09	86,8%	52,6%	73,7%	55,3%
9	BQL KKT	6,46	89,4%	50,0%	72,9%	57,4%
10	Cục thuế tỉnh	6,45	85,5%	50,0%	75,6%	59,8%
11	BHXH tỉnh	6,81	89,4%	49,2%	75,4%	57,6%
12	Thanh tra tỉnh	6,04	88,9%	50,0%	70,3%	58,3%

2.3. Chi phí thời gian

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm qua (%)*	Nội dung thanh, kiểm tra trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành (%)	Các cuộc thanh tra, kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động của DN (%)	Có hiện tượng ùn đầy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị ùn đầy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn (%)*	Sở, ban, ngành tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC (%)	DN chỉ phải đi lại 1 đến 2 lần để hoàn tất thủ tục hành chính (không kể lần đến tìm hiểu đầu tiên) (%)
1	Sở KH&ĐT	6,50	8,2%	65,2%	64,7%	23,4%	89,9%	88,9%
2	Sở TN&MT	5,63	7,9%	65,9%	64,4%	17,0%	90,7%	77,9%
3	Sở XD	6,13	6,9%	65,3%	67,6%	16,3%	91,2%	79,1%
4	Sở Công thương	6,15	8,1%	65,6%	65,0%	16,2%	90,8%	81,1%
5	Sở LĐ-TB&XH	6,04	8,9%	75,0%	78,4%	21,3%	89,6%	76,6%
6	Sở NN&PTNT	6,15	7,8%	65,4%	66,0%	19,4%	90,5%	82,8%
7	Sở TT&TT	6,90	8,6%	80,8%	69,2%	15,2%	85,7%	82,9%
8	Sở GTVT	5,99	8,1%	66,7%	63,3%	21,1%	92,1%	82,1%
9	BQL KKT	6,38	6,7%	65,0%	70,7%	19,5%	89,4%	83,0%
10	Cục thuế tỉnh	6,39	7,0%	65,2%	64,6%	17,0%	90,1%	83,3%
11	BHXH tỉnh	6,38	7,7%	72,2%	66,0%	16,9%	92,2%	79,1%
12	Thanh tra tỉnh	6,03	5,7%	68,0%	66,7%	19,4%	91,7%	78,4%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.4. Chi phí không chính thức

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Tỷ lệ DN trả CPKCT (%)*	Hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành (%)*	Công việc đạt kết quả hơn nếu chi trả CPKCT (%)*	CPKCT được giảm bớt (về giá trị khoản CPKCT) (%)
1	Sở KH&ĐT	6,13	15,6%	21,7%	33,5%	40,8%
2	Sở TN&MT	5,38	26,0%	20,0%	27,5%	39,1%
3	Sở XD	5,86	11,9%	18,8%	21,2%	25,0%
4	Sở Công thương	6,18	15,3%	21,4%	30,0%	38,3%
5	Sở LĐ-TB&XH	5,90	15,9%	21,3%	33,3%	39,0%
6	Sở NN&PTNT	5,95	16,4%	21,4%	32,1%	39,1%
7	Sở TT&TT	6,02	8,8%	28,6%	26,5%	35,5%
8	Sở GTVT	5,86	16,2%	21,1%	34,2%	39,4%
9	BQL KKT	5,86	15,2%	22,0%	31,0%	37,1%
10	Cục thuế tỉnh	5,87	15,7%	21,3%	29,7%	36,2%
11	BHXXH tỉnh	5,99	14,1%	21,5%	30,9%	36,7%
12	Thanh tra tỉnh	5,92	13,9%	23,5%	33,3%	39,4%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.5. Cạnh tranh bình đẳng

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	DN sân sau, DN thân hữu được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác (%)*	DN lớn được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác (%)*	Việc ưu ái cho các DN sân sau, DN thân hữu gây khó khăn cho DN khác (%)*	Việc ưu ái cho các DN lớn gây khó khăn cho DN khác (%)*
1	Sở KH&ĐT	7,00	33,8%	27,4%	37,6%	39,7%
2	Sở TN&MT	5,84	35,8%	35,4%	36,5%	45,0%
3	Sở XD	6,18	34,1%	27,9%	42,7%	42,2%
4	Sở Công thương	6,98	32,8%	27,1%	38,2%	40,3%
5	Sở LĐ-TB&XH	6,09	34,1%	31,1%	40,0%	43,5%
6	Sở NN&PTNT	6,27	35,7%	30,5%	38,6%	42,1%
7	Sở TT&TT	7,05	34,3%	28,6%	37,1%	38,2%
8	Sở GTVT	5,66	34,2%	34,2%	42,1%	43,2%
9	BQL KKT	6,90	33,3%	33,3%	37,8%	36,1%
10	Cục thuế tỉnh	6,98	35,1%	27,6%	36,3%	39,9%
11	BHXH tỉnh	7,05	34,4%	26,2%	37,7%	39,3%
12	Thanh tra tỉnh	6,28	36,4%	36,4%	37,1%	38,2%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.6. Hỗ trợ DN

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Tổ chức các chương trình hỗ trợ DN (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) (%)	Các chương trình hỗ trợ DN do sở, ban, ngành tổ chức đều thiết thực (%)	Tổ chức các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN (%)	Vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ kịp thời tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin (%)	Sở, ban, ngành thường xuyên quan tâm đến các DN nhỏ và vừa (%)
1	Sở KH&ĐT	6,93	53,7%	85,0%	61,8%	90,7%	28,4%
2	Sở TN&MT	6,60	53,0%	84,6%	61,5%	90,1%	28,2%
3	Sở XD	6,58	52,8%	84,1%	60,7%	91,1%	26,1%
4	Sở Công thương	6,64	53,4%	84,5%	61,4%	90,1%	28,0%
5	Sở LĐ-TB&XH	6,40	48,9%	83,7%	63,0%	91,3%	27,1%
6	Sở NN&PTNT	6,84	41,0%	87,8%	61,0%	93,4%	39,1%
7	Sở TT&TT	6,42	52,9%	82,1%	60,6%	90,6%	28,1%
8	Sở GTVT	6,38	51,4%	87,9%	61,1%	92,1%	16,2%
9	BQL KKT	6,90	52,2%	90,5%	61,4%	89,1%	30,4%
10	Cục thuế tỉnh	6,67	53,3%	88,5%	45,8%	94,7%	30,8%
11	BHXX tỉnh	7,23	55,0%	85,5%	61,0%	91,7%	27,4%
12	Thanh tra tỉnh	6,48	54,3%	70,0%	57,1%	94,7%	32,4%

2.7. Thiết chế pháp lý

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Các VBPL đã ban hành được DN đánh giá tốt và có tính thực thi cao (%)	Công tác truyền thông và phổ biến VBPL được thực hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ (%)	Công tác thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định (%)	Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng (%)	Có hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi sai trái (%)	Luôn có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (%)
1	Sở KH&ĐT	6,47	85,3%	74,8%	89,1%	76,1%	77,7%	78,7%
2	Sở TN&MT	6,20	81,0%	79,6%	88,1%	74,1%	78,8%	76,5%
3	Sở XD	6,39	78,9%	72,2%	91,0%	76,4%	81,4%	78,8%
4	Sở Công thương	7,02	82,2%	83,1%	91,3%	75,0%	80,9%	77,6%
5	Sở LĐ-TB&XH	6,50	77,1%	76,6%	93,3%	75,5%	80,9%	78,3%
6	Sở NN&PTNT	6,59	85,5%	82,3%	93,4%	76,6%	75,0%	74,6%
7	Sở TT&TT	6,35	85,3%	85,3%	90,3%	75,8%	81,3%	64,5%
8	Sở GTVT	6,15	86,5%	78,4%	94,4%	71,1%	76,9%	71,1%
9	BQL KKT	7,27	84,8%	84,8%	91,3%	75,6%	80,5%	77,5%
10	Cục thuế tỉnh	7,08	87,8%	82,4%	90,4%	72,9%	79,0%	78,3%
11	BHXXH tỉnh	7,15	86,2%	79,4%	88,9%	78,1%	81,3%	77,8%
12	Thanh tra tỉnh	6,84	82,4%	61,8%	90,9%	86,1%	83,3%	80,0%

2.8. Vai trò người đứng đầu

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Lãnh đạo sở, ban, ngành có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm (%)	Lãnh đạo sở, ban, ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN (%)	Lãnh đạo sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN (%)	Có hiện tượng “Cấp trên bảo cấp dưới không nghe” diễn ra trong đơn vị (%)*
1	Sở KH&ĐT	7,15	85,7%	78,2%	92,4%	3,4%
2	Sở TN&MT	5,90	84,3%	77,5%	88,3%	3,7%
3	Sở XD	6,31	84,9%	77,4%	90,3%	4,4%
4	Sở Công thương	6,49	86,7%	78,7%	89,6%	4,2%
5	Sở LĐ-TB&XH	6,43	76,6%	80,9%	93,8%	4,4%
6	Sở NN&PTNT	6,30	82,1%	76,1%	92,5%	4,8%
7	Sở TT&TT	6,43	88,9%	80,6%	88,9%	5,9%
8	Sở GTVT	6,21	84,2%	81,6%	89,5%	5,4%
9	BQL KKT	6,56	85,1%	76,6%	91,7%	4,4%
10	Cục thuế tỉnh	6,69	84,7%	75,3%	91,2%	2,4%
11	BHXXH tỉnh	7,42	86,6%	82,1%	92,6%	4,6%
12	Thanh tra tỉnh	6,62	86,1%	77,8%	91,9%	5,6%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

PHỤ LỤC 2: Kết quả đánh giá DDCI Kon Tum cấp huyện

1. Kết quả chung

Cấp huyện	Điểm số DDCI	CSTP 1: Tính Minh bạch	CSTP 2: Tính năng động	CSTP 3: Chi phí thời gian	CSTP 4: Chi phí không chính thức	CSTP 5: Cạnh tranh bình đẳng	CSTP 6: Hỗ trợ doanh nghiệp	CSTP 7: Thiết chế pháp lý	CSTP 8: Vai trò người đứng đầu
H. Ngọc Hồi	67,24	7,08	6,72	6,76	6,23	6,65	7,12	7,08	6,37
H. Sa Thầy	67,12	6,20	6,56	6,55	6,57	7,08	7,26	7,24	6,66
H. Đăk Tô	63,58	6,01	6,76	6,59	6,18	6,49	6,98	6,92	5,50
TP. Kon Tum	62,50	6,33	5,65	6,29	6,62	6,25	6,89	6,00	5,89
H. Đăk Hà	60,83	6,15	6,00	6,36	5,95	6,33	5,94	6,28	5,73
H. Đăk Glei	60,08	5,59	5,87	6,34	6,14	6,30	6,18	6,58	5,36
H. Ia H'Drai	58,70	5,93	6,03	6,12	5,84	6,32	5,87	5,62	5,34
H. Tu Mơ Rông	56,42	5,06	5,25	6,32	6,36	5,81	5,23	5,45	5,39
H. Kon Rẫy	55,05	4,16	5,65	6,24	5,92	6,37	5,19	5,06	5,54
H. Kon Plông	54,80	5,25	5,20	5,27	5,91	6,20	4,30	5,76	5,79
Cao nhất	67,24	7,08	6,76	6,76	6,62	7,08	7,26	7,24	6,66
Trung vị	60,46	5,97	5,93	6,33	6,16	6,33	6,06	6,14	5,63
Thấp nhất	54,80	4,16	5,20	5,27	5,84	5,81	4,30	5,06	5,34

2. Chi tiết các CSTP

2.1. Tính minh bạch

STT	Cấp huyện	Điểm số	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) dễ dàng (%)	Tỷ lệ DN truy cập vào website của cấp huyện (%)	Thông tin trên Website cấp huyện là hữu ích (%)	Đơn vị cung cấp thông tin kịp thời (%)	Nội dung thông tin được cung cấp rõ ràng (%)
1	TP. Kon Tum	6,33	76,5%	90,5%	81,2%	87,4%	86,1%
2	H. Đắk Tô	6,01	70,8%	93,8%	80,9%	87,5%	85,4%
3	H. Đắk Glei	5,59	81,8%	90,0%	70,7%	84,2%	85,7%
4	H. Tu Mơ Rông	5,06	77,1%	85,7%	80,9%	84,3%	85,5%
5	H. Kon Plông	5,25	76,6%	91,1%	75,5%	86,3%	77,6%
6	H. Đắk Hà	6,15	84,6%	90,4%	72,5%	86,5%	78,4%
7	H. Ngọc Hồi	7,08	80,0%	92,2%	81,8%	87,3%	84,3%
8	H. Sa Thầy	6,20	86,8%	84,6%	76,9%	87,2%	82,1%
9	H. Kon Rẫy	4,16	72,3%	86,0%	74,7%	85,3%	88,2%
10	H. Ia H'Drai	5,93	79,5%	89,5%	74,4%	86,8%	86,5%

2.2. Tính năng động

STT	Cấp huyện	Điểm số	Cấp huyện nắm vững, am hiểu chính sách, quy định của pháp luật (%)	Cấp huyện phản ứng chủ động trong giải quyết những vấn đề mới phát sinh (%)	Cấp huyện kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN (%)	Cấp huyện chủ động nghiên cứu, trao đổi xử lý những bất cập, vướng mắc của DN ngoài phạm vi, quyền hạn (%)
1	TP. Kon Tum	5,65	86,1%	54,5%	76,0%	48,0%
2	H. Đăk Tô	6,76	81,3%	62,5%	76,6%	58,3%
3	H. Đăk Glei	5,87	89,5%	53,8%	77,2%	43,4%
4	H. Tu Mơ Rông	5,25	85,7%	44,3%	72,5%	58,0%
5	H. Kon Plông	5,20	83,3%	67,3%	68,8%	49,0%
6	H. Đăk Hà	6,00	90,4%	42,3%	73,6%	56,9%
7	H. Ngọc Hồi	6,72	89,1%	65,5%	78,4%	40,7%
8	H. Sa Thầy	6,56	87,2%	64,9%	78,9%	42,1%
9	H. Kon Rẫy	5,65	84,2%	48,4%	76,3%	55,3%
10	H. Ia H'Drai	6,03	83,8%	52,8%	75,7%	56,8%

2.3. Chi phí thời gian

STT	Cấp huyện	Điểm số	DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm qua (%)*	Nội dung thanh, kiểm tra trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành (%)	Các cuộc thanh tra, kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động của DN (%)	Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn (%)*	Cấp huyện tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC (%)	DN chỉ phải đi lại 1 đến 2 lần để hoàn tất TTHC (không kể lần đến tìm hiểu đầu tiên) (%)
1	TP. Kon Tum	6,29	7,4%	66,7%	77,9%	16,9%	92,6%	75,8%
2	H. Đăk Tô	6,59	8,5%	63,0%	75,6%	17,0%	87,0%	85,1%
3	H. Đăk Glei	6,34	13,0%	78,0%	83,3%	18,4%	76,6%	86,5%
4	H. Tu Mơ Rông	6,32	15,4%	77,0%	88,1%	16,9%	80,0%	83,3%
5	H. Kon Plông	5,27	10,6%	84,6%	75,6%	25,5%	78,3%	80,4%
6	H. Đăk Hà	6,36	7,8%	62,7%	75,5%	18,0%	83,0%	86,5%
7	H. Ngọc Hồi	6,76	10,6%	60,8%	78,0%	17,3%	92,5%	83,9%
8	H. Sa Thầy	6,55	7,9%	73,0%	76,9%	17,9%	89,5%	78,9%
9	H. Kon Rẫy	6,24	7,5%	61,8%	75,6%	21,5%	94,7%	79,3%
10	H. Ia H'Drai	6,12	18,2%	71,4%	87,1%	37,1%	94,4%	87,9%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.4. Chi phí không chính thức

STT	Cấp huyện	Điểm số	Tỷ lệ DN trả CPKCT (%)*	Hiện tượng nhùng nhieu là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại cấp huyện (%)*	Công việc đạt kết quả hơn nếu chi trả CPKCT (%)*	CPKCT được giảm bớt (về giá trị khoản CPKCT) (%)
1	TP. Kon Tum	6,62	10,1%	13,8%	26,7%	28,0%
2	H. Đăk Tô	6,18	13,3%	15,6%	29,5%	31,3%
3	H. Đăk Glei	6,14	10,0%	12,2%	36,7%	30,0%
4	H. Tu Mơ Rông	6,36	14,5%	10,4%	33,3%	31,6%
5	H. Kon Plông	5,91	16,7%	11,6%	31,0%	29,7%
6	H. Đăk Hà	5,95	7,8%	18,0%	32,0%	28,6%
7	H. Ngọc Hồi	6,23	9,1%	12,0%	41,2%	32,6%
8	H. Sa Thầy	6,57	16,2%	15,4%	23,7%	32,4%
9	H. Kon Rẫy	5,92	23,7%	12,9%	17,6%	28,1%
10	H. Ia H'Drai	5,84	15,2%	18,2%	24,2%	29,2%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.5. Cạnh tranh bình đẳng

STT	Cấp huyện	Điểm số	DN sản sau, DN thân hữu được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác (%)*	DN lớn được ưu ái, ưu tiên hơn các DN khác (%)*	Việc ưu ái cho các DN sản sau, DN thân hữu gây khó khăn cho DN khác (%)*	Việc ưu ái cho các DN lớn gây khó khăn cho DN khác (%)*
1	TP. Kon Tum	6,25	34,9%	32,9%	50,0%	28,6%
2	H. Đăk Tô	6,49	31,8%	43,2%	45,5%	25,6%
3	H. Đăk Glei	6,30	49,0%	34,0%	36,0%	29,4%
4	H. Tu Mơ Rông	5,81	54,2%	33,3%	30,0%	36,8%
5	H. Kon Plông	6,20	39,5%	45,7%	27,9%	38,6%
6	H. Đăk Hà	6,33	42,9%	56,0%	30,0%	23,5%
7	H. Ngọc Hồi	6,65	57,7%	34,0%	30,8%	23,3%
8	H. Sa Thầy	7,08	33,3%	35,1%	46,2%	23,7%
9	H. Kon Rẫy	6,37	38,5%	39,1%	48,4%	20,9%
10	H. Ia H'Drai	6,32	47,1%	34,3%	35,7%	31,0%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.6. Hỗ trợ DN

STT	Cấp huyện	Điểm số	Tổ chức các chương trình hỗ trợ DN (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) (%)	Các chương trình hỗ trợ DN do cấp huyện tổ chức đều thiết thực (%)	Tổ chức các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN (%)	Vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ kịp thời tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin (%)	Cấp huyện thường xuyên quan tâm đến các DN nhỏ và vừa (%)
1	TP. Kon Tum	6,89	75,0%	59,1%	93,5%	44,2%	75,0%
2	H. Đăk Tô	6,98	84,8%	61,4%	88,6%	43,5%	84,8%
3	H. Đăk Glei	6,18	73,5%	58,3%	93,6%	40,4%	73,5%
4	H. Tu Mơ Rông	5,23	82,1%	50,0%	90,9%	36,2%	82,1%
5	H. Kon Plông	4,30	74,4%	50,0%	91,1%	31,3%	74,4%
6	H. Đăk Hà	5,94	84,0%	50,0%	92,2%	39,2%	84,0%
7	H. Ngọc Hồi	7,12	79,5%	58,1%	95,7%	34,7%	79,5%
8	H. Sa Thầy	7,26	83,8%	57,9%	94,6%	38,9%	83,8%
9	H. Kon Rẫy	5,19	84,8%	50,0%	91,4%	28,7%	84,8%
10	H. Ia H'Drai	5,87	76,5%	56,3%	93,8%	37,1%	76,5%

2.7. Thiết chế pháp lý

STT	Cấp huyện	Điểm số	Các VBPL đã ban hành được DN đánh giá tốt và có tính thực thi cao (%)	Công tác truyền thông và phổ biến VBPL được thực hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ (%)	Công tác thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định (%)	Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng (%)	Có hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi sai trái (%)	Luôn có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (%)
1	TP. Kon Tum	6,00	71,4%	77,1%	75,8%	80,0%	84,0%	83,8%
2	H. Đắk Tô	6,92	66,7%	78,7%	87,0%	82,6%	88,9%	81,8%
3	H. Đắk Glei	6,58	70,6%	86,5%	92,3%	58,8%	87,8%	81,3%
4	H. Tu Mơ Rông	5,45	68,1%	79,1%	85,3%	88,1%	77,9%	73,1%
5	H. Kon Plông	5,76	78,7%	89,1%	73,3%	71,7%	86,4%	69,8%
6	H. Đắk Hà	6,28	69,2%	70,0%	86,0%	75,0%	90,0%	81,6%
7	H. Ngọc Hồi	7,08	80,7%	83,7%	70,2%	85,7%	87,7%	80,4%
8	H. Sa Thầy	7,24	70,3%	78,9%	91,9%	84,2%	86,5%	80,6%
9	H. Kon Rẫy	5,06	71,0%	72,0%	77,4%	78,7%	78,3%	82,4%
10	H. Ia H'Drai	5,62	73,5%	73,5%	78,8%	70,6%	87,9%	78,1%

2.8. Vai trò người đứng đầu

STT	Cấp huyện	Điểm số	Lãnh đạo cấp huyện có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm (%)	Lãnh đạo cấp huyện có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN (%)	Lãnh đạo cấp huyện lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN (%)	Có hiện tượng “Cấp trên bảo cấp dưới không nghe” diễn ra trong đơn vị (%)*
1	TP. Kon Tum	5,89	81,8%	84,5%	90,9%	8,7%
2	H. Đăk Tô	5,50	87,2%	87,5%	87,0%	10,6%
3	H. Đăk Glei	5,36	73,6%	92,5%	90,7%	10,0%
4	H. Tu Mơ Rông	5,39	92,9%	90,0%	84,1%	12,3%
5	H. Kon Plông	5,79	89,8%	87,8%	89,6%	14,0%
6	H. Đăk Hà	5,73	84,6%	87,8%	88,5%	9,8%
7	H. Ngọc Hồi	6,37	91,4%	70,0%	92,2%	6,7%
8	H. Sa Thầy	6,66	86,5%	94,7%	89,2%	10,3%
9	H. Kon Rẫy	5,54	81,9%	86,3%	89,4%	9,6%
10	H. Ia H'Drai	5,34	81,1%	91,9%	86,1%	8,8%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

Chỉ đạo triển khai:

Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kon Tum

Đơn vị chủ trì:

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum

Đơn vị khảo sát:

Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Kon Tum

Tư vấn triển khai:

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng

BÁO CÁO

Đánh giá năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và địa phương
tỉnh Kon Tum năm 2022

DDCI KON TUM